

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM
SỞ TƯ PHÁP



TÀI LIỆU
CÁC TỘI PHẠM TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015
(SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2017) - PHẦN I

Kon Tum, tháng 12 năm 2018

Chuyên đề: CÁC TỘI PHẠM TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ (Phần I)

I. CÁC TỘI XÂM PHẠM AN NINH QUỐC GIA

Chương này gồm 15 điều (từ Điều 108 đến Điều 122), quy định tội phản bội Tổ quốc; Tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân; Tội gián điệp; Tội xâm phạm an ninh lãnh thổ; Tội bạo loạn; Tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân; Tội phá hoại cơ sở vật chất - kỹ thuật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Tội phá hoại việc thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội; Tội phá hoại chính sách đoàn kết; Tội làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm nhằm chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Tội phá rối an ninh; Tội chống phá cơ sở giam giữ; Tội tổ chức, cưỡng ép, xúi giục người khác trốn đi nước ngoài hoặc trốn ở lại nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân; Tội trốn đi nước ngoài hoặc trốn ở lại nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân; Hình phạt bổ sung.

Về cơ bản chính sách hình sự về các tội xâm phạm an ninh quốc gia theo BLHS năm 2015 không thay đổi so với BLHS năm 1999. Những nội dung sửa đổi, bổ sung trong các điều luật cụ thể:

1. Tội phản bội Tổ quốc (Điều 108)

So với Điều 78 Bộ luật Hình sự năm 1999, Điều 108 BLHS năm 2015 có hai điểm mới:

- Sửa cụm từ “*lực lượng quốc phòng*” thành “*tiềm lực quốc phòng, an ninh*” để mở rộng đối tượng bảo vệ của tội phạm này. Lý do của việc sửa đổi này là:

+ Thứ nhất, bảo vệ Tổ quốc tức là bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước và Nhân dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa. Do đó, theo quy định của pháp luật hiện hành, bên cạnh Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cũng có chức năng, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Hành vi xâm hại đến tiềm lực an ninh cũng ảnh hưởng đến sức mạnh bảo vệ Tổ quốc, xâm hại đến Tổ quốc.

+ Thứ hai, trong điều kiện hiện nay với việc ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ vào hoạt động quốc phòng, an ninh, sức mạnh quốc phòng, an ninh không chỉ là sức mạnh của các yếu tố vật chất là con người, vũ khí, phương tiện và các cơ sở vật chất khác mà còn là các yếu tố phi vật chất như khoa học, kỹ thuật, công nghệ... phục vụ cho hoạt động quốc phòng, an ninh. Do đó, đã sửa “*lực lượng*” thành “*tiềm lực*” cho đầy đủ hơn, nâng cao hiệu quả bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

- Bổ sung khoản 3 quy định về trường hợp chuẩn bị phạm tội, theo đó,

người chuẩn bị phạm tội này thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân (Điều 109)

Ngoài bổ sung khoản 3 quy định hình phạt đối với trường hợp chuẩn bị tội (từ 01 năm đến 05 năm tù) và sửa đổi mức hình phạt cao nhất đối với người đồng phạm khác từ 15 năm (khoản 2 Điều 79 BLHS năm 1999) xuống 12 năm (khoản 2 Điều 109), các nội dung khác của Điều 109 BLHS năm 2015 giữ nguyên như Điều 79 BLHS năm 1999.

3. Tội gián điệp (Điều 110)

Điều luật này có điểm mới là bổ sung một khoản (khoản 3) quy định hình phạt đối với trường hợp chuẩn bị tội phạm (từ 01 năm đến 05 năm tù), còn lại các nội dung khác giữ nguyên như Điều 80 BLHS năm 1999.

4. Tội xâm phạm an ninh lãnh thổ (Điều 111)

Ngoài bổ sung một khoản (khoản 3) quy định hình phạt đối với trường hợp chuẩn bị tội phạm (từ 01 năm đến 05 năm), các nội dung khác của điều luật này được giữ nguyên như Điều 81 BLHS năm 1999.

5. Tội bạo loạn (Điều 112)

Ngoài các hành vi thuộc mặt khách quan của cấu thành tội phạm như quy định tại Điều 82 BLHS năm 1999, Điều 112 BLHS năm 2015 bổ sung hành vi cướp tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân (đây là một trong các hành vi thuộc mặt khách quan của tội hoạt động quy định tại Điều 83 BLHS năm 1999) là hành vi thuộc mặt khách quan của tội phạm này.

6. Tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân (Điều 113)

Điều luật có những điểm sửa đổi, bổ sung như sau:

- Bổ sung hành vi phạm tội "*phá hủy tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân*" vào khoản 1.

- Bổ sung vào khoản 2 các hành vi phạm tội: *Thành lập, tham gia tổ chức khủng bố, tổ chức tài trợ khủng bố; cưỡng ép, lôi kéo, tuyển mộ, đào tạo, huấn luyện phần tử khủng bố; chế tạo, cung cấp vũ khí cho phần tử khủng bố; chiếm giữ, làm hư hại tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân; Tấn công, xâm hại, cản trở, gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử của cơ quan, tổ chức, cá nhân*. Nâng mức hình phạt tối thiểu của khoản 2 là 05 năm lên thành 10 năm.

- Nâng mức hình phạt chính đối với trường hợp phạm tội tại khoản 3 là "từ 02 năm đến 7 năm" thành "*từ 05 năm đến 10 năm*".

- Bổ sung *tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế* tại khoản 4 là khách thể bảo vệ, đối tượng tác động của tội phạm này. Việc bổ sung các nội dung trên để

phù hợp với Luật phòng, chống khủng bố năm 2013, các điều ước quốc tế về chống khủng bố, tài trợ khủng bố mà Việt Nam là thành viên và đáp ứng yêu cầu phòng, chống khủng bố đặt ra trong thực tế những năm gần đây.

- Bổ sung khoản 5 quy định về trường hợp chuẩn bị phạm tội, theo đó, *người chuẩn bị phạm tội này thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.*

7. Tội phá hoại cơ sở vật chất - kỹ thuật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Điều 114)

Ngoài bổ sung khoản 3 quy định hình phạt áp dụng đối với người chuẩn bị phạm tội (phạt tù từ 01 năm đến 05 năm), các nội dung khác của Điều luật này được giữ nguyên như Điều 85 BLHS năm 1999.

8. Tội phá hoại việc thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội (Điều 115)

So với Điều 86 BLHS năm 1999, Điều luật có những điểm sửa đổi, bổ sung như sau:

- Giảm hình phạt tối đa đối với trường hợp phạm tội thuộc khoản 1 (*khoản 1 Điều 86 BLHS năm 1999 quy định hình phạt tù từ 07 năm đến 20 năm, khoản 1 Điều 115 BLHS năm 2015 quy định phạt tù từ 7 năm đến 15 năm*).

- Bổ sung khoản 3 quy định về trường hợp chuẩn bị phạm tội, theo đó, *người chuẩn bị phạm tội này thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

9. Tội phá hoại chính sách đoàn kết (Điều 116)

So với Điều 87 BLHS năm 1999, Điều luật có những điểm sửa đổi, bổ sung như sau:

- Bổ sung hành vi *gây ly khai dân tộc; gây chia rẽ giữa người theo các tôn giáo khác nhau; sửa quy định gây chia rẽ nhân dân với các tổ chức xã hội thành gây chia rẽ nhân dân với các tổ chức chính trị - xã hội.* Việc sửa đổi, bổ sung nêu trên để phù hợp thực tế diễn biến của loại hành vi phạm tội này, đáp ứng yêu cầu phòng, chống tội phạm.

- Nâng mức hình phạt tối thiểu của khoản 1 là 05 năm lên thành *07 năm.*

- Bổ sung khoản 3 quy định về trường hợp chuẩn bị phạm tội, theo đó, *người chuẩn bị phạm tội này thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm tù.*

10. Tội làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm nhằm chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Điều 117)

So với Điều 88 BLHS năm 1999, Điều 117 có những điểm sửa đổi, bổ sung như sau:

- Sửa tên điều luật: theo Điều 88 BLHS năm 1999, tên của điều luật này là Tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nay được sửa thành *Tội làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm nhằm chống Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam*.

- Nội dung điều luật được sửa quy định cụ thể hơn và mở rộng hành vi thuộc mặt khách quan của cấu thành tội phạm. Tại điều 88 BLHS năm 1999, hành vi thuộc mặt khách quan của tội phạm này là tuyên truyền, làm ra, tàng trữ, lưu hành các tài liệu, văn hoá phẩm có nội dung chống Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, theo Điều 117 BLHS năm 2015, hành vi thuộc mặt khách quan của tội phạm này là làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm có nội dung chống Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Việc sửa đổi nêu trên để bảo đảm tính rõ ràng, minh bạch của điều luật và quy định đầy đủ hơn loại hành vi phạm tội xảy ra trên thực tế, không để các thế lực thù địch lợi dụng chống Đảng, Nhà nước ta, đáp ứng yêu cầu phòng, chống tội phạm.

- Bổ sung khoản 3 quy định về trường hợp chuẩn bị phạm tội, theo đó, *người chuẩn bị phạm tội này thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm*.

11. Tội phá rối an ninh (Điều 118)

Ngoài bổ sung một khoản (khoản 3) quy định hình phạt đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội (*phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*), các nội dung khác của điều luật này được giữ nguyên như Điều 89 BLHS năm 1999.

12. Tội chống phá cơ sở giam giữ (Điều 119)

So với Điều 90 BLHS năm 1999, Điều 199 BLHS năm 2015 có điểm mới là: sửa tên điều luật "Tội chống phá trại giam" thành "*Tội chống phá cơ sở giam giữ*" và sửa "trại giam" thành "*cơ sở giam giữ*" trong nội dung điều luật.

Việc sửa như vậy là để phù hợp với thực tế tổ chức cơ sở giam giữ, mở rộng chủ thể của tội phạm đáp ứng yêu cầu phòng, chống loại hành vi phạm tội này trong tình hình mới.

13. Tội tổ chức, cưỡng ép, xúi giục người khác trốn đi nước ngoài hoặc trốn lại ở nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân (Điều 120)

Điều luật này được tách từ Điều 91 BLHS năm 1999. So với Điều 91 BLHS năm 1999, quy định tại Điều 120 BLHS năm 2015 về cấu thành tội phạm và hình phạt được giữ nguyên, chỉ có điểm mới là quy định cụ thể hình phạt áp dụng đối với người chuẩn bị phạm tội (*phạt tù từ 01 năm đến 05 năm*).

14. Tội trốn đi nước ngoài hoặc trốn lại ở nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân (Điều 121)

Điều luật này được tách ra từ Điều 91 BLHS năm 1999. So với Điều 91

BLHS năm 1999, Điều 121 BLHS năm 2015 có điểm mới là giảm mức hình phạt (theo quy định của Điều 91 BLHS năm 1999, hình phạt cao nhất của tội phạm này là tù chung thân, theo Điều 121 BLHS năm 2015 quy định hình phạt cao nhất là 20 năm tù) và quy định cụ thể hình phạt áp dụng đối với người chuẩn bị phạm tội (phạt tù từ 01 năm đến 05 năm).

15. Hình phạt bổ sung (Điều 122)

So với Điều 92 BLHS năm 1999, Điều 122 BLHS năm 2015 không thay đổi về nội dung chỉ chỉnh sửa về cách diễn đạt để bảo đảm về kỹ thuật lập pháp.

II. CÁC TỘI XÂM PHẠM TÍNH MẠNG, SỨC KHỎE, NHÂN PHẨM, DANH DỰ CỦA CON NGƯỜI

Chương này gồm 34 Điều (*từ Điều 123 đến Điều 156*) quy định quy định tội giết người; Tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ; Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh; Tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội; Tội làm chết người trong khi thi hành công vụ; Tội vô ý làm chết người; Tội vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính; Tội bức tử; Tội xúi giục hoặc giúp người khác tự sát; Tội không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng; Tội đe dọa giết người; Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác; Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh; Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội; Tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong khi thi hành công vụ; Tội vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác; Tội vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính; Tội hành hạ người khác; Tội hiếp dâm; Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi; Tội cưỡng dâm; Tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi; Tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi; Tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi; Tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm; Tội lây truyền HIV cho người khác; Tội cố ý truyền HIV cho người khác; Tội mua bán người; Tội mua bán người dưới 16 tuổi; Tội đánh tráo người dưới 01 tuổi; Tội chiếm đoạt người dưới 16 tuổi; Tội mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người; Tội làm nhục người khác; Tội vu khống.

Những nội dung sửa đổi, bổ sung trong các điều luật cụ thể như sau:

1. Tội giết người (Điều 123)

- Sửa một số từ ngữ: *nhiều người* thành *02 người trở lên*; *trẻ em* thành

người dưới 16 tuổi; tội thành tội phạm.

- Bổ sung khoản 3 quy định trường hợp: *Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.*

2. Tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ (Điều 124)

- Sửa đổi tên tội danh thành "*tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ*" cho phù hợp với nội dung quy định trong điều luật, bởi lẽ, theo Điều 94 Bộ luật hình sự năm 1999 thì tội danh này có tên là "Giết con mới đẻ", nhưng trong cấu thành cơ bản lại quy định 02 hành vi khác nhau là *giết con mới đẻ* và *vứt bỏ con mới đẻ*. Việc sửa đổi trên đã khắc phục điều này.

- Điều 94 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định ghép hai hành vi giết con mới đẻ và vứt con mới đẻ trong cùng một khoản và chung mức hình phạt. Nay sửa đổi thành 2 khoản để bảo đảm sự phân hóa trách nhiệm và chính sách xử lý, Khoản 1 quy định hành vi giết con mới đẻ có mức hình phạt cao hơn (*phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*).

- Bộ luật hình sự năm 1999 không quy định rõ khái niệm *con mới đẻ* mà khái niệm này được hướng dẫn tại Nghị quyết số 04/HĐTP ngày 29/11/1986 của HĐTP-TANDTC. Bộ luật hình sự năm 2015 (*Điều 124*) đã quy định rõ con mới đẻ là con trong 07 ngày tuổi.

Đây là điều luật quy định giảm nhẹ đặc biệt trách nhiệm hình sự về hành vi giết người của người mẹ, là chính sách luật pháp của Nhà nước ta đối với phụ nữ, chứ không phải trẻ mới đẻ không được bảo vệ như người thông thường.

3. Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 125)

Khoản 2 cụ thể hóa tình tiết "giết nhiều người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh" thành "*Phạm tội đối với 02 người trở lên.*"

4. Tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội (Điều 126)

- Bổ sung tên điều luật *do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội*.

- Bổ sung hành vi *giết người do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội* (Bộ luật hình sự năm 1999 chỉ quy định giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng).

- Khoản 2: cụ thể hóa tình tiết "giết nhiều người trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng" thành "*Phạm tội đối với 02 người trở lên.*"

5. Tội làm chết người trong khi thi hành công vụ (Điều 127)

- Cụ thể hóa tình tiết "chết nhiều người" thành "*02 người trở lên*"; "trường

hợp đặc biệt nghiêm trọng khác" bằng "*Đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ biết rõ là có thai*".

- Tăng mức hình phạt tù so với Bộ luật hình sự năm 1999 tại Khoản 1 "từ 2 năm đến 7 năm" thành "*từ 05 năm đến 10 năm*"; Khoản 2 "từ 7 năm đến 15 năm" thành "từ *08 năm đến 15 năm*".

6. Tội vô ý làm chết người (Điều 128)

- Khoản 1: bổ sung hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm và nâng mức phạt tù tối thiểu lên thành 01 năm (theo Khoản 1 Điều 98 BLHS năm 1999 là 06 tháng)

- Khoản 2: cụ thể hóa tình tiết "chết nhiều người" thành "*chết 02 người trở lên*".

7. Tội vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính (Điều 129)

- Khoản 1: giảm mức hình phạt tù tối đa so với Bộ luật hình sự năm 1999, từ 06 năm xuống còn *05 năm*.

- Khoản 2: Cụ thể hóa tình tiết "nhiều người" thành "*02 người trở lên*".

8. Tội bức tử (Điều 130)

Khoản 2: Cụ thể hóa tình tiết "nhiều người" thành "*02 người trở lên*"; bổ sung tình tiết định khung tăng nặng: "*đối với người dưới 16 tuổi và phụ nữ biết là có thai*".

9. Tội xúi giục hoặc giúp người khác tự sát (Điều 131)

- Khoản 1: sửa đổi quy định rõ hơn các hành vi cụ thể và thay từ "*tự sát*" bằng cụm từ "*tự tước đoạt tính mạng*"; Bộ luật hình sự năm 1999 quy định hành vi xúi giục và giúp người khác tự sát. Bộ luật hình sự năm 2015 quy định cụ thể các hành vi này theo hướng như sau: *Kích động, dụ dỗ, thúc đẩy người khác tự tước đoạt tính mạng của họ; Tạo điều kiện vật chất hoặc tinh thần cho người khác tự tước đoạt tính mạng của họ*. Mục đích của việc sửa đổi là tăng cường tính minh bạch của pháp luật và để việc xử lý phù hợp với tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội.

- Khoản 2: cụ thể hóa tình tiết "Làm nhiều người tự sát" thành "*làm 02 người trở lên tự sát*".

10. Tội không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng (Điều 132)

Bổ sung khoản 3 mới quy định: *Phạm tội dẫn đến hậu quả 02 người trở lên chết, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm*. Đây là quy định bổ sung trường hợp hậu quả chết nhiều người mà điều luật BLHS năm 1999 chưa quy định.

11. Tội đe dọa giết người (Điều 133)

- Khoản 1: tăng hình phạt mức khởi điểm, Bộ luật hình sự năm 1999 quy định cải tạo không giam giữ đến 02 năm, tù 03 tháng đến 03 năm, Bộ luật hình sự năm 2015 quy định *cải tạo không giam giữ đến 03 năm, tù 06 tháng đến 03 năm*.

- Khoản 2: cụ thể hóa tình tiết "đối với nhiều người" thành "02 người trở lên", "đối với trẻ em" thành "người dưới 16 tuổi". Bổ sung mới điểm b. *Lợi dụng chức vụ, quyền hạn*.

12. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (Điều 134)

- Bộ luật hình sự năm 1999 quy định 4 khoản nhưng Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi thành 7 khoản theo hướng cụ thể hóa các hành vi theo các mức độ tổn hại gây ra và các hình phạt cũng được quy định tương ứng với từng mức độ thiệt hại để việc áp dụng được rõ ràng và sát với hành vi phạm tội, trong đó:

+ Khoản 1 quy định 10 tình tiết, gồm: "a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người; b) Dùng a-xít nguy hiểm hoặc hóa chất nguy hiểm; c) Đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu, ốm đau hoặc người khác không có khả năng tự vệ; d) Đối với ông, bà, cha, mẹ, thầy giáo, cô giáo của mình, người nuôi dưỡng, chữa bệnh cho mình; đ) Có tổ chức; e) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn; g) Trong thời gian đang bị giữ, tạm giữ, tạm giam, đang chấp hành án phạt tù, đang chấp hành biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng hoặc đang chấp hành biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng hoặc đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; h) Thuê gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do được thuê; i) Có tính chất côn đồ; k) Đối với người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân".

+ Khoản 2 quy định giảm hình phạt, (Bộ luật hình sự năm 1999 phạt tù từ 02 - 07 năm, Bộ luật hình sự năm 2015: từ 02 - 06 năm) đối với hành vi: "a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%; b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 11% đến 30%; c) Phạm tội 02 lần trở lên; d) Tái phạm nguy hiểm; đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này".

+ Sửa đổi giảm hình phạt ở một số khung tăng nặng:

Khoản 3 quy định giảm hình phạt (Bộ luật hình sự năm 1999 phạt tù 05 - 15 năm, Bộ luật hình sự năm 2015: 05 - 10 năm) đối với hành vi: "a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên, nếu không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều này; b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% đến 60%; c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này; d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này".

Khoản 4 quy định giảm hình phạt (Bộ luật hình sự năm 1999 phạt tù 15 - 20 năm hoặc chung thân; Bộ luật hình sự năm 2015: 07 - 14 năm) đối với hành vi: "a) Làm chết người; b) Gây thương tích làm biến dạng vùng mặt của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 61% trở lên; d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này; đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% đến 60% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này".

+ Khoản 5 quy định cụ thể hành vi phạm tội mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 61% trở lên.

- Bổ sung Khoản 6 quy định: "Người nào chuẩn bị vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm, a-xít nguy hiểm, hóa chất nguy hiểm hoặc thành lập hoặc tham gia nhóm tội phạm nhằm gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm".

13. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 135)

- Khoản 1: sửa đổi theo hướng bổ sung hình phạt chính là hình phạt tiền (từ 10 triệu - 50 triệu), bãi bỏ quy định hình phạt tù và hình phạt cảnh cáo, nâng mức tối đa của hình phạt cải tạo không giam giữ từ 01 năm thành "03 năm".

- Khoản 2: điều chỉnh mức hình phạt theo hướng nhẹ hơn (Bộ luật hình sự năm 1999 phạt tù từ 01 đến 05 năm, Bộ luật hình sự năm 2015 phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm). Bổ sung tình tiết tăng nặng định khung: Gây thương tích

hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 31% trở lên.

14. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội (Điều 136)

- Bổ sung tên điều luật “hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội”.

- Khoản 1: bãi bỏ hình phạt cảnh cáo, phạt tù; bổ sung hình phạt tiền, điều chỉnh mức hình phạt cải tạo không giam giữ lên thành 03 năm.

- Khoản 2: sửa đổi quy định cụ thể các hành vi gây thương tích và tỷ lệ tổn thương cụ thể mà điều luật cũ chưa quy định.

- Bổ sung khoản 3 quy định trường hợp dẫn đến chết người và trường hợp gây thương tích cho 02 người trở lên.

15. Tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong khi thi hành công vụ (Điều 137)

- Khoản 1: sửa đổi quy định rõ hơn tỷ lệ tổn thương cơ thể tối đa (Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định tỷ lệ thương tật từ 31% trở lên; Bộ luật hình sự năm 2015 sửa tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%), điều chỉnh mức hình phạt (Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định phạt tù từ 03 tháng đến 03 năm; Bộ luật hình sự năm 2015 phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm).

- Khoản 2: sửa đổi quy định cụ thể các hành vi gây thương tích và tỷ lệ tổn thương cụ thể, mà điều luật cũ chưa quy định. Bổ sung tình tiết định khung tăng nặng ở khoản 2 là: “Đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu, ốm đau hoặc người khác không có khả năng tự vệ”.

16. Tội vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (Điều 138)

- Khoản 1: sửa đổi quy định rõ hơn tỷ lệ tổn thương cơ thể tối đa, (Bộ luật hình sự năm 1999 quy định tỷ lệ thương tật từ 31% trở lên, Bộ luật hình sự năm 2015 quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%); bỏ hình phạt tù, bổ sung hình phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng và giảm mức hình phạt cải tạo không giam giữ xuống còn 01 năm (Khoản 1 Điều 108 BLHS năm 1999 là 02 năm).

- Khoản 2: bổ sung hình phạt cải tạo không giam giữ từ 01 năm đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm; quy định cụ thể các hành vi gây thương tích và tỷ lệ tổn thương cụ thể mà Bộ luật hình sự năm 1999 chưa quy định như gây thương tích đối với 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% đến 60%; Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của

người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên. Bộ quy định cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề luật cũ quy định tại khoản 2.

- Bổ sung mới khoản 3 quy định hành vi phạm tội đối với 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 61% trở lên, thì bị phạt cải tạo không giam giữ từ 02 năm đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 03 năm.

17. Tội vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính (Điều 139)

- Khoản 1: sửa đổi quy định rõ hơn tỷ lệ tổn thương cơ thể tối đa như Điều 138, bổ sung hình phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng và sửa mức hình phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm (BLHS năm 1999 chỉ quy định phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm).

- Bổ sung Khoản 2, gồm 2 điểm quy định cụ thể các hành vi gây thương tích, gây tổn hại và tỷ lệ tổn thương cụ thể, mà BLHS năm 1999 chưa quy định (như Điều 138).

- Khoản 3 quy định mới hành vi phạm tội với tỷ lệ tổn thương cụ thể.

Việc sửa đổi này là để phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, mà luật cũ quy định còn có bất cập, khó khăn, vướng mắc.

18. Tội hành hạ người khác (Điều 140)

- Khoản 1: bổ sung hành vi làm nhục, bỏ hình phạt cảnh cáo, điều chỉnh mức hình phạt cải tạo không giam giữ (Bộ luật hình sự năm 1999 quy định phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm, Bộ luật hình sự năm 2015 sửa: cải tạo không giam giữ đến 03 năm).

- Khoản 2 bổ sung thêm hành vi cụ thể (Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 31% trở lên) và cụ thể hóa tình tiết: Trẻ em thành người dưới 16 tuổi; phụ nữ có thai thành phụ nữ mà biết là có thai; cụ thể hóa tình tiết đối với nhiều người thành đối với 02 người trở lên.

19. Tội hiếp dâm (Điều 141)

- Khoản 1 bổ sung hành vi thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác trái với ý muốn của nạn nhân.

- Khoản 2 cụ thể hóa tình tiết Phạm tội nhiều lần thành Phạm tội 02 lần trở lên, đối với nhiều người thành đối với 02 người trở lên; thay cụm từ tỷ lệ thương tật thành tỷ lệ tổn thương cơ thể; bổ sung tình tiết Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%.

- Khoản 3 bổ sung tình tiết Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể

61 % trở lên.

- Khoản 4 sửa từ ngữ *Người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi thành người từ đủ 16 tuổi.*

20. Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi (Điều 142)

- Sửa tên điều luật *trẻ em thành người dưới 16 tuổi.*

- Khoản 1: mô tả rõ hành vi khách quan là *dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác giao cấu để giải quyết vướng mắc luật cũ không mô tả rõ. Mở rộng khái niệm giao cấu đối với hành vi quan hệ tình dục khác.*

- Khoản 2 bổ sung tình tiết *Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%; cụ thể hóa tình tiết Phạm tội nhiều lần thành Phạm tội 02 lần trở lên; Đối với nhiều người thành Đối với 02 người trở lên và điều chỉnh các tình tiết này từ Khoản 3 luật cũ sang Khoản 2 luật mới.*

- Khoản 3 bổ sung các tình tiết *Phạm tội đối với người dưới 10 tuổi và Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên.*

- Bỏ khoản 4 Điều 112 của Bộ luật hình sự năm 1999 "*Mọi trường hợp giao cấu với trẻ em chưa đủ 13 tuổi là phạm tội hiếp dâm trẻ em và người phạm tội bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình*" vì đã điều chỉnh tại khoản khác.

21. Tội cưỡng dâm (Điều 143)

- Khoản 1 bổ sung hành vi *quan hệ tình dục khác; nâng mức phạt tù tối thiểu từ 06 tháng lên thành 01 năm.*

- Khoản 2 cụ thể hóa tình tiết *Cưỡng dâm nhiều lần thành Phạm tội 02 lần trở lên; Cưỡng dâm nhiều người thành Đối với 02 người trở lên và bổ sung tình tiết Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31 % đến 60%.*

- Khoản 3 tăng mức hình phạt khởi điểm (Bộ luật hình sự năm 1999 quy định phạt tù 7 - 18 năm, Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định 10 - 18 năm). Bổ sung tình tiết *Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên.*

22. Tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi (Điều 144)

- Sửa tên điều luật *trẻ em thành người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi.*

- Khoản 1 sửa nêu rõ dấu hiệu của hành vi khách quan *Người nào dùng mọi thủ đoạn khiến người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi đang ở trong tình trạng*

lệ thuộc mình hoặc trong tình trạng quân bách phải miễn cưỡng giao cấu hoặc miễn cưỡng thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác.

- Khoản 2 bổ sung tình tiết *Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%*; cụ thể hóa tình tiết *Phạm tội nhiều lần thành Phạm tội 02 lần trở lên, Đối với nhiều người thành Đối với 02 người trở lên* và chuyển quy định từ Khoản 3 BLHS năm 1999 sang Khoản 2.

- Khoản 3 bổ sung tình tiết *Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên.*

23. Tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi (Điều 145)

- Sửa tên điều luật *trẻ em* thành *người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi* và bổ sung *hành vi quan hệ tình dục khác.*

- Khoản 1: cụ thể hóa tình tiết *đã thành niên thành đủ 18 tuổi trở lên* và bổ sung *hành vi quan hệ tình dục khác.*

- Khoản 2: cụ thể hóa tình tiết *Phạm tội nhiều lần thành Phạm tội 02 lần trở lên, Đối với nhiều người thành Đối với 02 người trở lên; bổ sung tình tiết Đối với người mà người phạm tội có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh.*

- Bổ sung khoản 4: *Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.*

24. Tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi (Điều 146)

- Sửa tên điều luật *dâm ô đối với trẻ em* thành *dâm ô đối với người dưới 16 tuổi.*

- Khoản 1: sửa từ ngữ và nêu rõ hơn hành vi khách quan: *người đủ 18 tuổi trở lên mà có hành vi dâm ô đối với người dưới 16 tuổi không nhằm mục đích giao cấu hoặc không nhằm thực hiện các hành vi quan hệ tình dục khác.*

- Khoản 2: bổ sung tình tiết *Phạm tội có tổ chức*; cụ thể hóa tình tiết *Phạm tội nhiều lần thành Phạm tội 02 lần trở lên, Đối với nhiều người thành Đối với 02 người trở lên; sửa tình tiết Gây hậu quả nghiêm trọng thành Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%.*

- Khoản 3: sửa nêu rõ mức độ hậu quả cụ thể *Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; Làm nạn nhân tự sát.* BLHS năm 2015 chỉ quy định *Phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.*

25. Tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm (Điều 147)

Đây là Điều luật mới quy định gồm 3 khoản, với khung hình phạt từ 06 tháng đến 12 năm. Điều luật bổ sung một số hành vi có tính chất nguy hiểm cho xã hội nhưng chưa được quy định trong Bộ luật hình sự năm 2015.

- *Về chủ quan:* Người phạm tội mong muốn người bị hại dưới 16 tuổi phải chứng kiến việc khiêu dâm hoặc trình diễn khiêu dâm. Vì vậy lỗi trong tội này là cố ý.

- *Về khách quan:* Hành vi của người phạm tội trong trường hợp này có thể là 1 trong 3 hành vi: *Lôi kéo, dụ dỗ hoặc ép buộc người dưới 16 tuổi trình diễn khiêu dâm hoặc chứng kiến trình diễn khiêu dâm.*

Về các tình tiết tăng nặng định khung gồm: *Phạm tội có tổ chức; Phạm tội 02 lần trở lên; Đối với 02 người trở lên; Đối với người mà người phạm tội có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh; Có mục đích thương mại; Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%; Tái phạm nguy hiểm thuộc Khoản 2 bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.*

Phạm tội thuộc một trong các trường hợp: *Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; Làm nạn nhân tự sát, thuộc Khoản 3 thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm.*

26. Tội lây truyền HIV cho người khác (Điều 148)

- Khoản 1: nêu rõ hơn trừ trường hợp nạn nhân đã biết về tình trạng nhiễm HIV của người bị HIV và tự nguyện quan hệ tình dục, để loại trừ trường hợp nạn nhân biết rõ tình trạng HIV của người bị HIV và tự nguyện quan hệ tình dục.

- Khoản 2: cụ thể hóa tình tiết đối với nhiều người thành đối với 02 người trở lên; đối với người chưa thành niên thành Đối với người dưới 18 tuổi; Bổ sung tình tiết định khung tăng nặng "*đối với phụ nữ mà biết là có thai*".

27. Tội cố ý truyền HIV cho người khác (Điều 149)

- Khoản 1: điều chỉnh mức phạt tù tối đa từ 10 năm xuống thành 07 năm.

- Khoản 2: điều chỉnh mức phạt tù từ 10 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân thành phạt tù từ 07 năm đến 15 năm; cụ thể hóa tình tiết *Đối với nhiều người thành đối với 02 người trở lên, Đối với người chưa thành niên thành đối với người dưới 18 tuổi* và bổ sung tình tiết *Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%.*

- Bổ sung Khoản 3 quy định: *Đối với phụ nữ mà biết là có thai; Đối với 06 người trở lên; Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; Làm nạn nhân tự sát, với khung hình phạt 12 năm*

đến 20 năm hoặc tù chung thân.

28. Tội mua bán người (Điều 150)

- Khoản 1 sửa cấu thành cơ bản nêu rõ hành vi khách quan *dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, lừa gạt hoặc thủ đoạn khác thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm: Chuyển giao hoặc tiếp nhận người để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác; Tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp người khác...* Điều chỉnh mức hình phạt (Bộ luật hình sự năm 1999 phạt tù từ 02 năm đến 07 năm, Bộ luật hình sự năm 2015: từ 05 năm đến 10 năm).

- Khoản 2 sửa theo hướng điều chỉnh các hành vi và mức hình phạt tương ứng (Bộ luật hình sự năm 1999 phạt tù từ 05 năm đến 20 năm; Bộ luật hình sự năm 2015 sửa thành phạt tù từ 08 năm đến 15 năm); bổ sung tình tiết: *Vì động cơ đê hèn; Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%, nếu không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều này; cụ thể hóa tình tiết phạm tội nhiều lần; đối với nhiều người thành Phạm tội 02 lần trở lên; Đối với từ 02 đến 05 người.*

- Khoản 3 bổ sung một số tình tiết định khung: *Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; Làm nạn nhân chết hoặc tự sát.* Quy định mức hình phạt phạt tù từ 12 năm đến 20 năm.

- Khoản 4 sửa đổi tăng mức phạt tiền: Bộ luật hình sự năm 1999 "phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ một năm đến năm năm", Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi thành *phạt tiền từ 20 triệu đồng đến 100 triệu đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.*

29. Tội mua bán người dưới 16 tuổi (Điều 151)

Bộ luật hình sự năm 1999 quy định tội ghép là tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em (Điều 120). Bộ luật hình sự năm 2015 tách và quy định thành 03 tội danh độc lập: tội mua bán người dưới 16 tuổi; tội đánh tráo người dưới 01 tuổi và tội chiếm đoạt người dưới 16 tuổi (Điều 151, Điều 152, Điều 153) để có chính sách xử lý phù hợp hơn.

- Điều 151 được sửa đổi giống như Điều 150 về tội mua bán người, nhưng điều chỉnh tăng mức hình phạt: Khoản 1 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định *phạt tù từ 03 năm đến 10 năm*, Khoản 1 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định *phạt tù từ 07 năm đến 12 năm*.

- Khoản 2 sửa các tình tiết giống Điều 150 và điều chỉnh mức hình phạt,

Bộ luật hình sự năm 1999 quy định *phạt tù từ 10 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân*, Bộ luật hình sự năm 2015 quy định *phạt tù từ 12 năm đến 20 năm*.

- Khoản 3 mới được bổ sung quy định các tình tiết *Có tổ chức; Có tính chất chuyên nghiệp; Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; Đã lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân; Làm nạn nhân chết hoặc tự sát; Đối với 06 người trở lên; Tái phạm nguy hiểm*, với mức hình phạt *bị phạt tù từ 18 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân*.

- Khoản 4 quy định *phạt quản chế, cấm cư trú, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*.

30. Tội đánh tráo người dưới 01 tuổi (Điều 152)

Đây là tội được tách ra từ tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em quy định tại Điều 120 của Bộ luật hình sự năm 1999, đồng thời, chỉ rõ đối tượng trẻ em bị đánh tráo là người dưới 01 tuổi. Điều này gồm 4 khoản với khung hình phạt tù thấp nhất là 02 năm và cao nhất là 12 năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 50 triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

- *Về khách thể*, tội phạm xâm phạm quyền tự do thân thể của trẻ em, quyền được quản lý, chăm sóc, giáo dục của trẻ em.

- *Về mặt chủ quan*, người phạm tội mong muốn đánh tráo người dưới 01 tuổi. Vì vậy lỗi trong tội này là cố ý.

- *Về mặt khách quan*: Hành vi của người phạm tội trong trường hợp này hành vi tráo đổi người dưới 01 tuổi một cách bất hợp pháp.

Việc đánh tráo có thể do chính bố mẹ đưa trẻ thực hiện nhưng cũng có thể do nhân viên y tế hoặc do người khác thực hiện một cách bất hợp pháp trong nhà hộ sinh, bệnh viện hoặc trên đường đưa đưa trẻ về phòng, về nhà... Hậu quả xảy ra là người dưới 01 tuổi bị đánh tráo và đã thoát khỏi sự quản lý của bố mẹ, người thân đưa trẻ.

Các tình tiết tăng nặng định khung, người phạm tội thuộc các trường hợp: *Có tổ chức; Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nghề nghiệp; Đối với người dưới 01 tuổi mà mình có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng; Phạm tội 02 lần trở lên* thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm quy định tại Khoản 2. Các trường hợp *Có tính chất chuyên nghiệp; Tái phạm nguy hiểm* thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm quy định tại khoản 3 Điều này.

31. Tội chiếm đoạt người dưới 16 tuổi (Điều 153)

Đây là tội được tách ra từ tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em

quy định tại Điều 120 của Bộ luật hình sự năm 1999. Điều này gồm 4 khoản với khung hình phạt tù thấp nhất là 3 năm, cao nhất là 15 năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 50 triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

- *Về khách thể*, tội phạm xâm phạm quyền tự do thân thể của trẻ em, quyền được quản lý, chăm sóc, giáo dục của trẻ em.

- *Về mặt chủ quan*: Người phạm tội mong muốn chiếm đoạt người dưới 16 tuổi. Vì vậy lỗi trong tội này là cố ý.

- *Về mặt khách quan*: Hành vi của người phạm tội trong trường hợp này là chiếm đoạt người dưới 16 tuổi bằng bất kỳ hình thức nào là hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, lén lút khi đứa trẻ đang ngủ, công nhiên khi đứa trẻ đang chơi hoặc rủ rê, lôi kéo lừa dối người dưới 16 tuổi theo người phạm tội để chiếm đoạt.

Tình tiết tăng nặng định khung, phạm tội thuộc một trong các trường hợp: *Có tổ chức; Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nghề nghiệp; Đối với người mà mình có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng; Đối với từ 02 người đến 05 người; Phạm tội 02 lần trở lên; Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%* thuộc khoản 2 thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp: *Có tính chất chuyên nghiệp; Đối với 06 người trở lên; Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; Làm nạn nhân chết; Tái phạm nguy hiểm* thuộc khoản 3 thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm.

32. Tội mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người (Điều 154)

Đây là tội phạm mới được bổ sung. Điều này được thiết kế 4 khoản với mức phạt thấp nhất là 3 năm tù, cao nhất là 20 năm tù hoặc tù chung thân. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

- *Về khách thể*, tội phạm xâm phạm sự an toàn đối với chức năng cơ thể sống của con người.

- *Về mặt chủ quan*: Lỗi trong trường hợp này là lỗi cố ý. Có thể là cố ý trực tiếp hoặc cố ý gián tiếp. Người phạm tội có cố ý thực hiện hành vi phạm tội nhằm mua bán hoặc chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người.

- *Về mặt khách quan*: Hành vi của người phạm tội là mua bán hoặc chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người.

Về các tình tiết tăng nặng định khung, người phạm tội thuộc một trong các trường hợp: *Có tổ chức; Vì mục đích thương mại; Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nghề nghiệp; Đối với từ 02 người đến 05 người; Phạm tội 02 lần trở lên; Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác với tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%*, thuộc Khoản 2 thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp: *Có tính chất chuyên nghiệp; Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác với tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; Đối với 06 người trở lên; Gây chết người; Tái phạm nguy hiểm*, thuộc Khoản 3 thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.

Tình tiết *Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nghề nghiệp*, tình tiết này đòi phải là chủ thể đặc biệt, như bác sỹ, người trông coi nhà xác...

Khoản 4 quy định về hình phạt bổ sung là *phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm*.

33. Tội làm nhục người khác (Điều 155)

- Khoản 1, bỏ hình phạt tù, bổ sung hình phạt tiền và nâng mức hình phạt cải tạo không giam giữ, cụ thể "*cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm*" thành "*phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm*".

- Khoản 2 sửa mức hình phạt tù từ *một năm đến ba năm* thành *từ 03 tháng đến 02 năm*; cụ thể hóa tình tiết phạm tội nhiều lần, đối với nhiều người thành *phạm tội 02 lần trở lên, đối với 02 người trở lên*; bổ sung hành vi *Sử dụng mạng máy tính hoặc mạng viễn thông, phương tiện điện tử để phạm tội; Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%*.

- Bổ sung mới Khoản 3 quy định tình tiết tăng nặng định khung *Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; Làm nạn nhân tự sát*, khung hình phạt tù từ 02 năm đến 05 năm.

34. Tội vu khống (Điều 156)

- Khoản 1 quy định mở rộng hình phạt tiền, rút ngắn hình phạt tù (Bộ luật hình sự năm 1999 *phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm*, Bộ luật hình sự năm 2015 bỏ hình phạt cảnh cáo, bổ sung *phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 50 triệu đồng* và giảm hình phạt tù tối đa xuống còn *01 năm*. Bổ sung hành vi *Bịa đặt người khác phạm tội và tố cáo họ trước cơ quan có thẩm quyền*.

- Khoản 2 rút ngắn khung hình phạt (Bộ luật hình sự năm 1999 *phạt tù từ*

một năm đến bảy năm, Bộ luật hình sự năm 2015 giảm mức phạt tù tối đa phạt xuống 03 năm. Bổ sung hành vi "Sử dụng mạng máy tính hoặc mạng viễn thông, phương tiện điện tử để phạm tội và Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%"; thay đổi cụ thể hóa tình tiết đối với nhiều người thành đối với 2 người trở lên, đối với người thi hành công vụ thành đối với người đang thi hành công vụ.

- Bổ sung mới Khoản 3 quy định các tình tiết tăng nặng định khung Vi động cơ đê hèn; Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; Làm nạn nhân tự sát với khung hình phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.

- Khoản 4 sửa mức hình phạt tiền (Bộ luật hình sự năm 1999: có thể bị phạt tiền từ một triệu đồng đến mười triệu đồng, Bộ luật hình sự năm 2015: có thể bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 50 triệu đồng).

III. CÁC TỘI XÂM PHẠM QUYỀN TỰ DO CỦA CON NGƯỜI, QUYỀN TỰ DO, DÂN CHỦ CỦA CÔNG DÂN

Chương này gồm 11 điều (Từ Điều 157 đến Điều 167), quy định tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật; Tội xâm phạm chỗ ở của người khác; Tội xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín, điện thoại, điện tín hoặc hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác; Tội xâm phạm quyền của công dân về bầu cử, ứng cử hoặc biểu quyết khi Nhà nước trưng cầu ý dân; Tội làm sai lệch kết quả bầu cử, kết quả trưng cầu ý dân; Tội buộc công chức, viên chức thôi việc hoặc sa thải người lao động trái pháp luật; Tội xâm phạm quyền hội họp, lập hội của công dân; Tội xâm phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người khác; Tội xâm phạm quyền bình đẳng giới; Tội xâm phạm quyền khiếu nại, tố cáo; Tội xâm phạm quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, quyền biểu tình của công dân.

Những nội dung sửa đổi, bổ sung trong các điều luật cụ thể như sau:

1. Tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật (Điều 157)

- Khoản 1: Giữ nguyên quy định dấu hiệu định tội của BLHS năm 1999: “người nào bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật” nhưng bổ sung quy định loại trừ nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 153 và Điều 377 của Bộ luật này¹ để phân biệt với các trường hợp phạm tội, bảo đảm xử lý đúng đắn, chính xác tội phạm, tránh những vướng mắc nảy sinh.

Loại bỏ hình phạt cảnh cáo; tăng thời hạn cải tạo không giam giữ đến 03 năm (BLHS năm 1999 là 02 năm), nâng mức hình phạt tù lên thành từ 06 tháng đến 03 năm (BLHS năm 1999 là từ 03 tháng đến 02 năm) để xử lý nghiêm khắc

¹ Điều 153. Tội chiếm đoạt người dưới 16 tuổi; Điều 377. Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn giam, giữ người trái pháp luật.

hơn đôi với hành vi phạm tội này.

- Khoản 2: nâng mức hình phạt tù lên thành *từ 02 năm đến 07 năm* (Bộ luật Hình sự năm 1999 là *từ 01 năm đến 05 năm*). Thay cụm từ “Phạm tội nhiều lần”, “Đối với nhiều người” thành cụm từ “*Phạm tội 02 lần trở lên*”, “*Đối với 02 người trở lên*” để bảo đảm rõ ràng, thuận lợi cho thực tiễn áp dụng.

Bổ sung các tình tiết định khung tăng nặng “*Đối với người dưới 18 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu hoặc người không có khả năng tự vệ*”; “*Làm cho người bị bắt, giữ, giam hoặc gia đình họ lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn*”; “*Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của người bị bắt, giữ, giam mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%*”.

- Khoản 3: cụ thể hóa tình tiết mang tính định tính “Phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng” bằng: “*Làm người bị bắt, giữ, giam chết hoặc tự sát; “Tra tấn, đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục nhân phẩm của người bị bắt, giữ, giam”; “ Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của người bị bắt, giữ, giam mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên*”. Đồng thời, để bảo đảm nghiêm khắc trong xử lý, nâng mức tối thiểu và tối đa của hình phạt tù lên thành *từ 05 năm đến 12 năm* (Bộ luật Hình sự 1999 là *từ 03 năm đến 10 năm*).

2. Tội xâm phạm chỗ ở của người khác (Điều 158)

- Để phù hợp với quy định quy định của Hiến pháp năm 2013 “*Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở*” (Điều 22), tên Điều luật được sửa đổi thành “*Tội xâm phạm chỗ ở của người khác*” thay vì quy định “*Tội xâm phạm chỗ ở của công dân*” (Điều 124 của Bộ luật Hình sự năm 1999), nhằm xác định rõ khách thể được bảo vệ là quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của mọi cá nhân; đồng thời, thay cụm từ “*công dân*” bằng cụm từ “*người khác*” tại khoản 1 để thể hiện theo hướng mở rộng đối tượng, phạm vi bảo vệ quyền con người mà tên Điều luật đã xác định.

- Khoản 1: sửa đổi, bổ sung quy định về hành vi “*hoặc có những hành vi trái pháp luật khác xâm phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân*” thành trường hợp phạm tội cụ thể: “*Chiếm giữ chỗ ở hoặc cản trở trái pháp luật người đang ở hoặc người đang quản lý hợp pháp vào chỗ ở của họ*”; “*Xâm nhập trái pháp luật chỗ ở của người khác*”.

Loại bỏ hình phạt cảnh cáo, tăng thời hạn cải tạo không giam giữ đến *02 năm* (Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định đến *01 năm*), nâng mức hình phạt tù lên thành *từ 03 tháng đến 02 năm* (Bộ luật Hình sự năm 1999 là *từ 03 tháng đến 01 năm*).

- Khoản 2: bổ sung tình tiết định khung tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở*

lên”; đồng thời, cụ thể tình tiết “Gây hậu quả nghiêm trọng” bằng: “*Làm người bị xâm phạm chỗ ở tự sát*”; “*Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội*” để giải quyết khó khăn, vướng mắc, tạo thuận lợi trong thực tiễn áp dụng.

Nâng mức hình phạt tù lên thành *từ 01 năm đến 05 năm* (Bộ luật Hình sự năm 1999 là *từ 01 năm đến 03 năm*), thể hiện thái độ nghiêm khắc hơn đối với các trường hợp phạm tội quy định tại khoản này.

3. Tội xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín, điện thoại, điện tín hoặc hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác (Điều 159)

- So với BLHS năm 1999, tên của Điều luật đã được điều chỉnh, bổ sung cụm từ “*hoặc hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác*” để mở rộng đối tượng, phạm vi được pháp luật hình sự bảo vệ, bảo đảm phù hợp với quy định tại Điều 21 Hiến pháp năm 2013 (Mọi người có quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và *các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác*).

- Khoản 1: sửa đổi, bổ sung các hành vi phạm tội theo hướng: Chiếm đoạt thư tín, điện báo, telex, fax hoặc văn bản khác của người khác được truyền đưa bằng mạng bưu chính, viễn thông dưới bất kỳ hình thức nào; Cố ý làm hư hỏng, thất lạc hoặc cố ý lấy các thông tin, nội dung của thư tín, điện báo, telex, fax hoặc văn bản khác của người khác được truyền đưa bằng mạng bưu chính, viễn thông; Nghe, ghi âm cuộc đàm thoại trái pháp luật; Khám xét, thu giữ thư tín, điện tín trái pháp luật; Hành vi khác xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín, điện thoại, điện tín, telex, fax hoặc hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác.

Việc sửa đổi, bổ sung theo hướng như trên để phù hợp với quy định của Luật viễn thông năm 2009 và Luật bưu chính năm 2010, bảo đảm xử lý triệt để, bao quát các trường hợp phạm tội, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới.

Nâng mức phạt tiền lên thành *từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng* (Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định *từ 01 triệu đồng đến 05 triệu đồng*) để răn đe, phòng ngừa, trừng trị, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội và thống nhất với các quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực này. Đồng thời để bảo đảm nghiêm khắc, Điều luật đã nâng hình phạt cải tạo không giam giữ đến *03 năm* (Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định đến *01 năm*).

- Khoản 2: Sửa đổi tình tiết định khung tăng nặng TNHS “*Phạm tội nhiều lần*” thành “*Phạm tội 02 lần trở lên*”; cụ thể hóa tình tiết mang tính định tính “*Gây hậu quả nghiêm trọng*” bằng: “*Tiết lộ các thông tin đã chiếm đoạt, làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín, nhân phẩm của người khác*”; “*Làm nạn nhân tự sát*” tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng trong thực tiễn.

Loại bỏ tình tiết định khung *tái phạm* để bảo đảm thống nhất với quy định

về tái phạm trong Phần những quy định chung của BLHS năm 2015.

Loại bỏ hình phạt cải tạo không giam giữ, đồng thời nâng mức hình phạt tù lên thành từ 01 năm đến 03 năm (Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định từ 03 tháng đến 02 năm) để có thể xử lý nghiêm khắc hơn đối với loại tội này.

- Khoản 3: nâng mức hình phạt tiền là hình phạt bổ sung lên thành từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng (Bộ luật Hình sự năm 1999 là từ 02 triệu đồng đến 20 triệu đồng) để phù hợp với thực tiễn.

4. Tội xâm phạm quyền của công dân về bầu cử, ứng cử hoặc biểu quyết khi Nhà nước trưng cầu ý dân (Điều 160)

BLHS năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung Điều 126 của BLHS năm 1999 về “Tội xâm phạm quyền bầu cử, quyền ứng cử của công dân” thành “Tội xâm phạm quyền của công dân về bầu cử, ứng cử hoặc biểu quyết khi Nhà nước trưng cầu ý dân”, đồng thời mở rộng phạm vi xử lý hình sự đối với hành vi lừa gạt, mua chuộc, cưỡng ép hoặc dùng thủ đoạn khác cản trở công dân thực hiện quyền biểu quyết khi Nhà nước trưng cầu ý dân, đáp ứng yêu cầu bảo vệ quyền tham gia trưng cầu ý dân của công dân Việt Nam theo quy định của Hiến pháp năm 2013; và thống nhất với Luật trưng cầu ý dân năm 2015.

Khoản 2: Cụ thể hóa tình tiết định khung tăng nặng mang tính định tính “Gây hậu quả nghiêm trọng” bằng: “*dẫn đến hoãn ngày bầu cử, bầu cử lại hoặc hoãn việc trưng cầu ý dân*”, bảo đảm phù hợp với thực tiễn và quy định của pháp luật về bầu cử và trưng cầu ý dân.

5. Tội làm sai lệch kết quả bầu cử, kết quả trưng cầu ý dân (Điều 161)

BLHS năm 2015 đã bổ sung tội danh “làm sai lệch kết quả bầu cử” (Điều 127 của BLHS năm 1999) thành “Tội làm sai lệch kết quả bầu cử, kết quả trưng cầu ý dân”, đồng thời mở rộng phạm vi xử lý hình sự đối với hành vi giả mạo giấy tờ, gian lận phiếu hoặc dùng thủ đoạn khác để làm sai lệch kết quả trưng cầu ý dân để bảo vệ hiệu quả việc thực hiện quyền tham gia trưng cầu ý dân của công dân, thống nhất với Luật trưng cầu ý dân năm 2015.

Hạ mức hình phạt tù xuống thành từ 03 tháng đến 02 năm (trước đây là từ 06 tháng đến 02 năm) để tương đồng với mức hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 160 về Tội xâm phạm quyền của công dân về bầu cử, ứng cử hoặc biểu quyết khi Nhà nước trưng cầu ý dân.

Khoản 2: Cụ thể hóa tình tiết định khung tăng nặng mang tính định tính “Gây hậu quả nghiêm trọng” bằng: “*Dẫn đến phải tổ chức lại việc bầu cử hoặc trưng cầu ý dân*” đáp ứng yêu cầu từ thực tiễn đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này, tạo thuận lợi trong áp dụng; đồng thời, phù hợp và thống nhất với các quy định của pháp luật về bầu cử và trưng cầu ý dân.

6. Tội buộc công chức, viên chức thôi việc hoặc sa thải người lao động trái pháp luật (Điều 162)

- BLHS năm 2015 sửa đổi tên điều luật “Tội buộc người lao động, cán bộ, công chức thôi việc trái pháp luật” (Điều 128 BLHS năm 1999) thành “*Tội buộc công chức, viên chức thôi việc hoặc sa thải người lao động trái pháp luật*” để phù hợp với các quy phạm điều chỉnh của Luật công chức, Luật viên chức và Bộ luật lao động.

- Khoản 1: sửa đổi cấu thành của tội này để bảo đảm phân biệt ranh giới xử lý hình sự với xử lý bằng các chế tài hành chính, kỷ luật đối với các hành vi vi phạm này. Theo đó, chỉ xử lý hình sự đối với hành vi này khi gây ra hậu quả nghiêm trọng.

Quy định rõ tình tiết định tội bằng các hành vi phạm tội cụ thể, đó là: “*Ra quyết định buộc thôi việc trái pháp luật đối với công chức, viên chức*”; “*Sa thải trái pháp luật đối với người lao động*”; “*Cưỡng ép, đe dọa buộc người lao động, công chức, viên chức phải thôi việc*”. Sửa đổi, bổ sung theo hướng này để phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành về công chức, viên chức và lĩnh vực lao động.

Bỏ hình phạt cảnh cáo, đồng thời bổ sung hình phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng để bảo đảm xử lý nghiêm khắc hơn đối với tội phạm này.

- Khoản 2: để phân hóa trách nhiệm hình sự, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm, Điều luật bổ sung khung tăng nặng trách nhiệm hình sự (khoản 2) như sau: 2. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 03 năm:*

a) *Đối với 02 người trở lên;*

b) *Đối với phụ nữ mà biết là có thai;*

c) *Đối với người đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi;*

d) *Làm người bị buộc thôi việc, người bị sa thải tự sát.*

đ) *Gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng khác.”*

- Khoản 3: bổ sung hình phạt bổ sung (khoản 3) như sau: “3. *Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.”*

7. Tội xâm phạm quyền hội họp, lập hội của công dân (Điều 163) và Tội xâm phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người khác (Điều 164)

- BLHS năm 2015 tách Điều 129 của BLHS năm 1999 thành 2 điều luật riêng biệt: *Tội xâm phạm quyền hội họp, lập hội của công dân (Điều 163) và Tội*

xâm phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người khác (Điều 164), bảo đảm sự phân biệt rõ ràng các khách thể của tội phạm, phù hợp với Điều 24 và Điều 25 Hiến pháp năm 2013 quy định về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là của mọi người (thuộc nội dung quyền con người), còn quyền hội họp, lập hội chỉ dành đối với công dân Việt Nam (thuộc nội dung quyền công dân).

- Khoản 1 của Điều 163, Điều 164:

Sửa đổi tình tiết định tội trong các tội danh này thành “Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác ngăn cản hoặc ép buộc người khác lập hội, hội họp hợp pháp” và “Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác ngăn cản hoặc ép buộc người khác thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào” (trước đây quy định hành vi cản trở công dân thực hiện quyền hội họp, quyền lập hội). Đồng thời, sửa đổi, bổ sung theo hướng đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi này để bảo đảm rõ ràng, đầy đủ, chính xác và phù hợp với thực tiễn đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này.

Loại bỏ hình phạt cảnh cáo trong các tội danh này do không phù hợp với yêu cầu xử lý nghiêm khắc hơn đối với loại tội phạm này.

- Khoản 2: để phân hóa trách nhiệm hình sự, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm, Điều 163, Điều 164 bổ sung khung tăng nặng trách nhiệm hình sự (khoản 2) như sau:

“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì phạt tù từ 01 năm đến 03 năm:

a) Có tổ chức;

b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

c) Phạm tội 02 lần trở lên;

d) Dẫn đến biểu tình;

đ) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.”

8. Tội xâm phạm quyền bình đẳng giới (Điều 165)

- So với Điều 130 của BLHS năm 1999 về Tội xâm phạm quyền bình đẳng của phụ nữ", tên tội danh của Điều 165 của BLHS năm 2015 được sửa thành “Tội xâm phạm quyền bình đẳng giới”, để mở rộng phạm vi đối tượng được bảo vệ theo hướng không chỉ đối với phụ nữ mà cả đối với nam giới, những người đồng tính và những người có khiếm khuyết về giới, bảo đảm đúng tinh thần của Hiến pháp năm 2013 và Luật bình đẳng giới năm 2006.

- Khoản 1: sửa đổi, bổ sung các tình tiết là dấu hiệu cơ bản trong cấu thành định tội như sau: Người nào vì lý do giới mà thực hiện hành vi dưới bất kỳ

hình thức nào cản trở người khác tham gia hoạt động trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, lao động, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao, y tế, đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm.

Nâng mức phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm (trước đây quy định là 01 năm), bổ sung hình phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng; bỏ quy định hình phạt tù ở khoản này. Việc điều chỉnh này nhằm phân hóa TNHS đối với các trường hợp phạm tội được quy định tại khoản 2 Điều luật.

- Khoản 2: để phân hóa trách nhiệm hình sự, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm, Điều 165 bổ sung khung tăng nặng trách nhiệm hình sự (khoản 2) như sau:

“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:

a) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

c) Đối với 02 người trở lên.”

- Khoản 3: bổ sung hình phạt bổ sung (khoản 3) như sau: *“3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.”*

9. Tội xâm phạm quyền khiếu nại, tố cáo (Điều 166)

- Khoản 1: so với Điều 132 BLHS năm 1999, BLHS năm 2015 sửa đổi cấu thành cơ bản của tội phạm, bảo đảm quy định đúng và bao quát được các dạng hành vi phạm tội xảy ra trong thực tiễn, đó là: *Dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc hành vi khác cản trở việc khiếu nại, tố cáo, việc xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc việc xử lý người bị khiếu nại, tố cáo; và Lợi dụng chức vụ, quyền hạn cản trở việc thi hành quyết định của cơ quan có thẩm quyền xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo gây thiệt hại cho người khiếu nại, tố cáo.*

Nâng mức phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm (trước đây quy định đến 01 năm); nâng mức phạt tù lên thành từ 06 tháng đến 03 năm (trước đây quy định từ 03 tháng đến 03 năm). Việc điều chỉnh này là phù hợp với thực tiễn, nâng cao hiệu quả trong xử lý người phạm tội.

- Khoản 2: bổ sung tình tiết định khung tăng nặng TNHS để bảo đảm xử lý toàn diện các trường hợp phạm tội xảy ra trong thực tiễn, đó là: *Có tổ chức; Lợi dụng chức vụ, quyền hạn thực hiện hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc hành vi khác cản trở việc khiếu nại, tố cáo, việc xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc việc xử lý người bị khiếu nại, tố cáo; Dẫn đến biểu tình; Làm người khiếu nại, tố cáo tự sát.*

Nâng mức phạt tù lên thành từ 02 năm đến 07 năm (BLHS năm 2015 quy định từ 06 tháng đến 05 năm) để bảo đảm xử lý nghiêm khắc đối với tội phạm này.

10. Tội xâm phạm quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, quyền biểu tình của công dân (Điều 167)

Để bảo vệ quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin và biểu tình mới được quy định tại Điều 25 Hiến pháp năm 2013, BLHS năm 2015 bổ sung 01 tội danh mới để xử lý hình sự đối với hành vi xâm phạm *quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, quyền biểu tình của công dân*. Tuy nhiên, các luật chuyên ngành trong lĩnh vực này chưa được ban hành để điều chỉnh, bảo đảm thực thi nhóm quyền tự do này của công dân trong đời sống xã hội. Do vậy, điều luật chỉ quy định cấu thành tội phạm có tính chất khái quát. Cụ thể như sau:

- Khoản 1: quy định cấu thành tội phạm là người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác cản trở công dân thực hiện quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, quyền biểu tình của công dân. Đồng thời quy định tình tiết là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm này phải là người đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi này mà còn vi phạm thì mới bị coi là tội phạm và bị xem xét, truy cứu TNHS.

Về hình phạt, người phạm tội bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm. Chế tài này là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của các hành vi phạm tội, bảo đảm hiệu quả răn đe, phòng ngừa và trừng trị đối với tội phạm.

- Khoản 2: quy định các tình tiết định khung tăng nặng TNHS, đó là trường hợp phạm tội: Có tổ chức; Lợi dụng chức vụ, quyền hạn; và Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Về hình phạt, người phạm tội thuộc một trong các trường hợp nêu trên thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm, bảo đảm yêu cầu phân hóa TNHS đối với các trường hợp phạm tội.

- Khoản 3: để bảo đảm phòng ngừa, quy định hình phạt bổ sung đối với người phạm tội là có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ từ 01 năm đến 05 năm.

IV. CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU

Chương này gồm 13 điều (từ Điều 168 đến Điều 180), quy định tội cướp tài sản; Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản; Tội cưỡng đoạt tài sản; Tội cướp giết tài sản; Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản; Tội trộm cắp tài sản; Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; Tội chiếm giữ trái phép tài sản; Tội sử dụng trái phép tài sản; Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản; Tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; Tội vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản.

Những nội dung sửa đổi, bổ sung trong các điều luật cụ thể như sau:

1. Tội cướp tài sản (Điều 168)

- Bãi bỏ các tình tiết định khung: *Gây hậu quả nghiêm trọng, Gây hậu quả rất nghiêm trọng, Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng* quy định tại điểm g Khoản 2; điểm c Khoản 3; điểm c Khoản 4.

- Bổ sung tình tiết định khung:

+ Khoản 2 bổ sung 02 tình tiết: e) *Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu hoặc người không có khả năng tự vệ; g) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;*

+ Khoản 3 bổ sung 01 tình tiết: c) *Lợi dụng thiên tai, dịch bệnh.*

+ Khoản 4: Bổ sung 02 tình tiết định khung: b)... *hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 31% trở lên; d) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp.* Bộ hình phạt tử hình nên hình phạt cao nhất trong khung này là tù chung thân.

- Bổ sung khoản 5 "*Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.*"

2. Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản (Điều 169)

- Điểm c Khoản 2: thay đổi từ "*Sử dụng vũ khí*" bằng "*Dùng vũ khí*".

- Sửa đổi các tình tiết định khung ở khoản 2: *Đối với trẻ em* thay bằng "*Đối với người dưới 16 tuổi*"; *Đối với nhiều người* thay bằng "*Đối với 02 người trở lên*";

- Bỏ các tình tiết định khung: "*Gây hậu quả nghiêm trọng, Gây hậu quả rất nghiêm trọng, Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng*" quy định tại điểm i Khoản 2; điểm c khoản 3; điểm c khoản 4 điều này của Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Bổ sung các tình tiết định khung mới cụ thể:

+ Khoản 2: bổ sung các tình tiết: g) *Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11 % đến 30%; i) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;*

+ Khoản 3: bổ sung tình tiết: b) *Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%.*

+ Khoản 4: bổ sung các tình tiết: c) *Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ*

thể 61% trở lên; d) *Làm chết người* (được tách ra thành một điểm riêng).

- Bổ sung khoản 5: "5. *Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.*"

3. Tội cưỡng đoạt tài sản (Điều 170)

- Bãi bỏ các tình tiết định khung: "*Gây hậu quả nghiêm trọng, Gây hậu quả rất nghiêm trọng, Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng*" quy định tại điểm đ khoản 2; điểm b khoản 3; điểm b khoản 4 điều này của Bộ luật hình sự năm 1999.

- Bổ sung các tình tiết định khung mới:

+ Khoản 2: c) *Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu hoặc người không có khả năng tự vệ; đ) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;*

+ Khoản 3: b) *Lợi dụng thiên tai, dịch bệnh;*

+ Khoản 4: b) *Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp.*

4. Tội cướp giết tài sản (Điều 171)

- Bãi bỏ các tình tiết định khung: "*Gây hậu quả nghiêm trọng, Gây hậu quả rất nghiêm trọng, Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng*" quy định tại điểm h Khoản 2; điểm c khoản 3; điểm c khoản 4 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Bổ sung các tình tiết định khung mới:

+ Khoản 2: g) *Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu hoặc người không có khả năng tự vệ; h) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.*

+ Khoản 3: c) *Lợi dụng thiên tai, dịch bệnh.*

- Sửa đổi và bổ sung tình tiết định khung mới ở khoản 4: b) *Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 31% trở lên; c) *Làm chết người* (được tách ra thành một điểm); d) *Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp.**

5. Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản (Điều 172)

- Sửa đổi hình phạt theo hướng: bổ sung mới hình phạt "*cải tạo không giam giữ*" là hình phạt chính quy định tại khoản 1; bỏ hình phạt tù chung thân, quy định mức hình phạt cao nhất của điều luật này là 20 năm tù.

- Bãi bỏ tình tiết chiếm đoạt tài sản dưới 02 triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng là điều kiện cấu thành tội này quy định tại khoản 1; bãi bỏ các tình

tiết định khung (*Gây hậu quả nghiêm trọng, Gây hậu quả rất nghiêm trọng, Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng*) quy định tại điểm d khoản 2, điểm b khoản 3 và điểm b khoản 4.

- Cụ thể hóa và bổ sung mới hành vi chiếm đoạt tài sản dưới 02 triệu đồng quy định tại Khoản 1 điều luật này, bao gồm: a) *Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm; b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 173, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm; c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội; d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ.*

- Bổ sung tình tiết định khung mới: d) *Chiếm đoạt tài sản là hàng cứu trợ (khoản 2); c) Lợi dụng thiên tai, dịch bệnh (Khoản 3); c) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp (Khoản 4).*

- Về hình phạt bổ sung: Tăng khởi điểm hình phạt bổ sung từ 5 triệu đồng lên 10 triệu đồng.

6. Tội trộm cắp tài sản (Điều 173)

- Về hình phạt: bỏ hình phạt tù chung thân, khung hình phạt cao nhất tội này đến 20 năm tù.

- Bãi bỏ các tình tiết định khung (*Gây hậu quả nghiêm trọng, Gây hậu quả rất nghiêm trọng, Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng*) quy định tại điểm g khoản 2, điểm b khoản 3 và điểm b khoản 4 điều này của Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Cụ thể hóa hành vi trộm cắp tài sản dưới 2 triệu đồng quy định tại Khoản 1 điều luật này, bao gồm: *Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm; Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm; Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội; Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ; Tài sản là di vật, cổ vật.*

- Bổ sung tình tiết định khung mới:

+ Khoản 2 bổ sung: e) *Tài sản là bảo vật quốc gia;*

+ Khoản 3 bổ sung tình tiết: b) *Lợi dụng thiên tai, dịch bệnh.*

+ Khoản 4 bổ sung tình tiết: b) *Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp.*

7. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 174)

- Bãi bỏ các tình tiết định khung (*Gây hậu quả nghiêm trọng, Gây hậu*

quả rất nghiêm trọng, Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng) quy định tại điểm g khoản 2, điểm b khoản 3 và điểm b khoản 4 điều này của Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Cụ thể hóa và bổ sung mới hành vi chiếm đoạt tài sản dưới 02 triệu đồng quy định tại Khoản 1 điều luật này, bao gồm: a) *Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm; b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm; c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội; d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ.*

- Bổ sung tình tiết định khung mới:

+ Khoản 3 bổ sung tình tiết: c) *Lợi dụng thiên tai, dịch bệnh.*

+ Khoản 4 bổ sung tình tiết: c) *Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp.*

8. Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (Điều 175)

- Cụ thể hóa và bổ sung mới hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản dưới 04 triệu đồng quy định tại Khoản 1 điều luật này, bao gồm: "*nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ*"

- Bổ sung dấu hiệu "*đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả*".

Như vậy, hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác sau khi đã thực hiện các giao dịch dân sự ngay thẳng chỉ cấu thành tội phạm khi có một trong các dấu hiệu sau đây:

Một là: Dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản đã nhận. Tài sản bị chiếm đoạt có thể là một phần hay toàn bộ. Hành vi gian dối có thể là nói dối là bị mất tài sản, đánh tráo tài sản, rút bớt tài sản.

Hai là: Đến thời hạn trả lại tài sản theo thỏa thuận, mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả lại tài sản.

Ba là: Sử dụng tài sản đã vay, mượn, thuê hoặc nhận được của người khác vào mục đích bất hợp pháp dẫn tới không có khả năng trả nợ. Hành vi sử dụng tài sản vào mục đích bất hợp pháp là hành vi sử dụng tài sản không đúng cam kết, thỏa thuận. Ví dụ như mượn xe ô tô, xe máy sau đó đem bán để đánh bạc và do thua bạc nên không có khả năng trả lại tài sản.

- Bỏ các tình tiết định khung (Gây hậu quả nghiêm trọng, Gây hậu quả rất nghiêm trọng, Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng) quy định tại điểm e khoản 2 và điểm b khoản 3 và điểm b khoản 4 điều luật của Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Bổ sung tình tiết định khung mới: *b) Có tính chất chuyên nghiệp; e) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khoản 2.*

- Về hình phạt: tăng hình phạt khởi điểm từ 03 tháng lên 06 tháng tù ở khoản 1.

9. Tội chiếm giữ trái phép tài sản (Điều 176)

- Sửa đổi bổ sung đối tượng bị chiếm giữ trái phép là "*di vật*" vào cấu thành cơ bản ở khoản 1, đồng thời quy định trị giá tài sản này dưới 10.000.000 đồng.

- Khoản 2 sửa đổi tài sản là "*cổ vật, vật có giá trị lịch sử, văn hoá có giá trị đặc biệt*" bằng "*bảo vật quốc gia*".

- Về hình phạt: bổ sung hình phạt tiền là hình phạt chính (*phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*) và giảm hình phạt cải tạo không giam giữ từ 3 năm xuống còn 2 năm ở Khoản 1.

10. Tội sử dụng trái phép tài sản (Điều 177).

- Nâng mức khởi điểm trị giá tài sản từ 50 triệu đồng lên thành từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng. Như vậy, điều luật đã phi hình sự đối với các hành vi sử dụng trái phép tài sản từ 50 triệu đồng đến dưới 100.000.000 đồng.

- Bãi bỏ tình tiết "gây hậu quả nghiêm trọng" là điều kiện cấu thành tội này; Bổ sung các yếu tố "*đã bị xử lý kỷ luật, hoặc dưới 500.000.000 đồng nhưng tài sản là di vật, cổ vật nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 219 và Điều 220 của Bộ luật này*" là điều kiện cấu thành tội này.

- Sửa đổi bổ sung tại khoản 2: Phạm tội nhiều lần sửa thành "*Phạm tội 02 lần trở lên*"; Bỏ tình tiết "Gây hậu quả rất nghiêm trọng", bổ sung các tình tiết định khung: *a) Tài sản trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng; b) Tài sản là bảo vật quốc gia;*

- Bãi bỏ tình tiết "*Phạm tội gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng*", bổ sung tình tiết mới "*Phạm tội sử dụng trái phép tài sản trị giá 1.500.000.000 đồng trở lên*" tại khoản 3.

- Về hình phạt: nâng hình phạt tiền khởi điểm từ 5 triệu đồng thành 10 triệu đồng ở khoản 1; Bổ sung hình phạt tiền "*từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng*" và giảm mức khởi điểm hình phạt tù từ 2 năm xuống còn 01 năm ở khoản 2.

11. Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản (Điều 178)

- Bỏ các tình tiết định khung (Gây hậu quả nghiêm trọng, Gây hậu quả rất nghiêm trọng, Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng) quy định tại điểm c khoản 2 và điểm b khoản 3 và điểm b khoản 4 điều luật của Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Về hình phạt: bổ sung hình phạt tiền là hình phạt chính, giảm hình phạt tù quy định tại khoản 3 từ 7 năm đến 15 năm xuống còn *từ 5 năm đến 10 năm*; Bỏ hình phạt tù chung thân quy định tại khoản 4, theo đó hình phạt cao nhất của tội này là 20 năm.

- Khoản 1 được sửa đổi, bổ sung theo hướng như sau: *"1. Người nào hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;

đ) Tài sản là di vật, cổ vật".

- Khoản 2 có một số sửa đổi, bổ sung như sau:

+ Sửa “dùng chất nổ, chất cháy” thành *“dùng chất nguy hiểm về cháy, nổ”*. Việc sửa này thành tháo gỡ vướng mắc khi áp dụng “*chất cháy*” đối với trường hợp dùng xăng, dầu để đốt tài sản (đốt nhà, đốt xe máy, ô tô...). Xăng, dầu không phải là chất cháy nên áp dụng tình tiết tăng nặng định khung là không chính xác. Chất cháy là chất trong điều kiện tự nhiên tự cháy mà không cần phải có tác động nào của con người. Do đó, điều luật quy định *“dùng chất nguy hiểm về cháy”* được hiểu là các chất gây nguy hiểm khi cháy như xăng, dầu.

+ Bổ sung điểm c *“tài sản là bảo vật quốc gia”*.

- Khoản 3 sửa đổi: *"Phạm tội gây thiệt hại cho tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm"*.

- Khoản 4 sửa đổi: *"Phạm tội gây thiệt hại cho tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm"*.

12. Tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, cơ

quan, tổ chức, doanh nghiệp (Điều 179)

Mở rộng phạm vi xử lý hình sự đối với hành vi thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp. Đây là tội ghép nên tùy theo chủ thể bị thiệt hại để áp dụng điều luật cho chính xác, chẳng hạn: hành vi thiếu trách nhiệm gây thiệt hại tài sản của cơ quan trong bộ máy Nhà nước thì phạm tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, còn nếu hành vi thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của cơ quan mà không phải cơ quan Nhà nước thì phạm tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của cơ quan.

- Khoản 1: nâng mức khởi điểm thiệt hại cho tài sản từ 50 triệu lên 100 triệu đồng; Khoản 2: nâng giá trị tài sản bị thiệt hại từ 200 triệu đến dưới 500 triệu lên mức từ 500 triệu đến dưới 2 tỉ đồng. Khoản 3: nâng giá trị tài sản bị thiệt hại từ 500 triệu trở lên thành 2 tỉ đồng trở lên.

- Về hình phạt: bổ sung hình phạt cảnh cáo, bỏ hình phạt tù ở khoản 1; giảm hình phạt tù quy định tại khoản 2: từ 02 năm đến 7 năm xuống còn từ 01 năm đến 5 năm; giảm hình phạt tù quy định tại khoản 3: từ 7 năm đến 15 năm xuống còn từ 5 năm đến 10 năm. Tại khoản 4 được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, theo đó, *Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.*

13. Tội vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản (Điều 180)

- Nâng mức khởi điểm tài sản bị gây thiệt hại từ 50 triệu lên 100 triệu đồng.

- Về hình phạt: Bỏ hình phạt tù quy định tại khoản 1; sửa đổi, giảm hình phạt tù quy định tại khoản 2 phạt theo hướng phạt cải tạo không giam giữ từ 02 năm đến 03 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

V. TỘI XÂM PHẠM CHẾ ĐỘ HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

Chương này gồm 07 điều (từ Điều 181 đến Điều 187), quy định tội cưỡng ép kết hôn, ly hôn, cản trở hôn nhân tự nguyện tiến bộ, cản trở ly hôn tự nguyện; Tội vi phạm chế độ một vợ, một chồng; Tội tổ chức tảo hôn; Tội loạn luân; Tội ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu hoặc người có công nuôi dưỡng mình; Tội từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng; Tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại.

Những nội dung sửa đổi, bổ sung trong các điều luật cụ thể như sau:

1. Tội cưỡng ép kết hôn, ly hôn, cản trở hôn nhân tự nguyện tiến bộ, cản trở ly hôn tự nguyện (Điều 181)

Bổ sung hành vi cưỡng ép ly hôn hoặc cản trở ly hôn tự nguyện. Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định hành vi “cưỡng ép ly hôn”, “cản trở ly hôn” là một trong các hành vi bị pháp luật nghiêm cấm nhằm bảo vệ chế độ hôn nhân và

gia đình 2014. Do vậy, Bộ luật hình sự năm 2015 đã tội phạm hóa 2 hành vi này để bảo vệ quyền con người trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình cũng như đảm bảo tính thống nhất và phù hợp với Luật Hôn nhân và gia đình.

Theo đó, người nào cưỡng ép người khác kết hôn trái với sự tự nguyện của họ, cản trở người khác kết hôn hoặc duy trì quan hệ hôn nhân tự nguyện, tiến bộ hoặc cưỡng ép hoặc cản trở người khác ly hôn bằng cách hành hạ, ngược đãi, uy hiếp tinh thần, yêu sách của cải hoặc bằng thủ đoạn khác, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 03 năm.

2. Tội vi phạm chế độ một vợ, một chồng (Điều 182)

- Cụ thể hóa Điểm a Khoản 3, mục 3.1 Thông tư số 01/2001/TTLT/BTP-BCA-TANDTC-VKSNDTC ngày 25/9/2001 Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng các quy định tại chương XV các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình: Tình tiết "gây hậu quả nghiêm trọng" tại khoản 1, Điều 147 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được cụ thể hóa tại khoản 1 Điều 182 Bộ luật hình sự năm 2015 là "làm cho quan hệ hôn nhân của một hoặc hai bên dẫn đến ly hôn".

- Bổ sung vào khoản 2 Điều 182 trường hợp "Làm cho vợ, chồng hoặc con của một trong hai bên tự sát".

- Thay từ "tiêu hủy" tại khoản 2 Điều 147 Bộ luật hình sự năm 1999 thành từ "hủy" tại khoản 2 Điều 182 Bộ luật hình sự năm 2015 để bảo đảm tính chính xác.

3. Tội tổ chức tảo hôn (Điều 183)

Điều 183 quy định: "Người nào tổ chức việc lấy vợ, lấy chồng cho những người chưa đến tuổi kết hôn, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm".

Như vậy, sửa đổi hành vi cấu thành tội phạm này theo hướng thay cụm từ "Tổ chức kết hôn" bằng cụm từ "Tổ chức lấy vợ lấy chồng"; đồng thời bỏ hình phạt cảnh cáo và hình phạt tù đối với tội này, đồng thời bổ sung hình phạt chính là hình phạt tiền đối với tội này (từ 10 triệu đến 30 triệu đồng).

4. Tội loạn luân (Điều 184)

Theo quy định, người nào giao cấu với người mà biết rõ người đó cùng dòng máu về trực hệ, là anh chị em cùng cha mẹ, anh chị em cùng cha khác mẹ hoặc cùng mẹ khác cha, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

Như vậy, tại điều này bổ sung thêm điều kiện về mặt chủ quan "biết rõ".

Đây là điều kiện tiên quyết để xác định một người có phạm tội này hay không? Người thực hiện hành vi loạn luân phải biết rõ mình và người bị giao cấu có cùng dòng máu trực hệ, là anh chị em cùng cha mẹ, anh chị em cùng cha khác mẹ hoặc cùng mẹ khác cha thì mới bị coi là phạm tội này.

Ngoài ra, về hình phạt, nâng mức hình phạt tù tối thiểu từ 06 tháng lên 01 năm.

5. Tội ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu hoặc người có công nuôi dưỡng mình (Điều 185)

- Bộ luật hình sự năm 2015 đã cụ thể hóa hành vi ngược đãi, hành hạ người khác tại khoản 1, đồng thời, cụ thể hóa tình tiết "gây hậu quả nghiêm trọng" thành hậu quả "*Thường xuyên làm cho nạn nhân bị đau đớn về thể xác, tinh thần*" trên tinh thần khái quát và luật hóa nội dung hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-BTP-BCA-TANDTC-VKSNDTC ngày 25/9/2001 Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng các quy định tại chương XV các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình (*gọi tắt là Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-BTP-BCA-TANDTC-VKSNDTC*).

- Nâng mức phạt tù tối thiểu tại khoản 1 từ 03 tháng (theo BLHS năm 1999) lên 06 tháng.

- Bổ sung khoản 2 quy định những trường hợp tăng nặng đối với tội phạm này với mức hình phạt tù từ 02 năm đến 05 năm.

6. Tội từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng (Điều 186)

- Cụ thể hóa tình tiết "*gây hậu quả nghiêm trọng*" thành "*làm cho người được cấp dưỡng lâm tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe*" trên cơ sở khái quát và luật hóa quy định tại khoản 8 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-BTP-BCA-TANDTC-VKSNDTC.

- Sửa đổi về mặt kỹ thuật, từ ngữ cho phù hợp hơn.

7. Tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại (Điều 187)

Bộ luật hình sự năm 2015 đã bổ sung mới tội danh "*Tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại*". Tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại là hành vi nguy hiểm cho xã hội, vi phạm nghiêm trọng tới quy định của pháp luật về hôn nhân, gia đình và kéo theo nhiều hệ lụy, ảnh hưởng tiêu cực cho xã hội. Do vậy, việc hình sự hóa hành vi này nhằm đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống hành vi vi phạm pháp luật.

- *Khách thể của tội phạm*: Xâm phạm đến việc quản lý nhà nước đối với hoạt động mang thai hộ vì mục đích nhân đạo.

- *Mặt chủ quan của tội phạm*: Tội phạm này được thực hiện với lỗi cố ý với mục đích thương mại.

- *Chủ thể của tội phạm*: bất kỳ ai người có năng lực trách nhiệm hình sự và từ đủ 16 tuổi trở lên.

- Về hình phạt: Tội phạm này có 02 khung hình phạt chính (khoản 1, 2) và 01 khung hình phạt bổ sung (khoản 3), cụ thể là:

+ Khung 1: Phạt tiền từ 50 triệu đồng đến 200 triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

+ Khung 2: Phạt tù từ 01 năm đến 5 năm áp dụng trong các trường hợp phạm tội sau đây: *Đối với 02 người trở lên; Phạm tội 02 lần trở lên; Lợi dụng danh nghĩa của cơ quan, tổ chức; Tái phạm nguy hiểm.*

+ Khoản 3: Phạt tiền từ 10 triệu đến 50 triệu, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 5 năm.

VI. CÁC TỘI PHẠM VỀ MÔI TRƯỜNG

Chương này gồm có 12 điều (*từ Điều 235 đến Điều 246*) quy định tội gây ô nhiễm môi trường; Tội vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại; Tội vi phạm quy định về phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường; Tội vi phạm quy định về bảo vệ an toàn công trình thủy lợi, đê điều và phòng, chống thiên tai; vi phạm quy định về bảo vệ bờ, bãi sông; Tội đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam; Tội làm lây lan dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm cho người; Tội làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho động vật, thực vật; Tội hủy hoại nguồn lợi thủy sản; Tội hủy hoại rừng; Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm; Tội vi phạm quy định về quản lý khu bảo tồn thiên nhiên; Tội nhập khẩu, phát tán các loài ngoại lai xâm hại.

Những nội dung sửa đổi, bổ sung trong các điều luật cụ thể như sau:

1. Tội gây ô nhiễm môi trường (Điều 235)

- Để đảm bảo tính khả thi của điều luật khi áp dụng vào thực tế, Điều 235 BLHS năm 2015 quy định các hành vi vi phạm cụ thể với các loại chất gây ô nhiễm như chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất phải loại trừ, nước thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường, khí thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường... Các hành vi vi phạm đều được lượng hóa, thay cho quy định chung chung trước đây, cụ thể hóa hành vi phạm tội bằng các nhóm hành vi cụ thể.

Các hành vi vi phạm đều được lượng hóa, thay cho quy định chung chung trước đây “các chất gây ô nhiễm môi trường, phát tán bức xạ, phóng xạ vượt quá

quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất thải ở mức độ nghiêm trọng”. Cụ thể hóa hành vi “thải vào không khí, nguồn nước, đất các chất gây ô nhiễm môi trường, phát tán bức xạ, phóng xạ vượt quá quy chuẩn quốc gia về chất thải” bằng 8 nhóm hành vi cụ thể tại Khoản 1.

Ví dụ: Khoản 1 Điều 235 quy định người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:

a) Chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường trái pháp luật từ 1.000 kilôgam đến dưới 3.000 kilôgam chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất phải loại trừ theo Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy hoặc từ 3.000 kilôgam đến dưới 10.000 kilôgam chất thải nguy hại khác;

b) Chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường trái pháp luật từ 500 kilôgam đến dưới 1.000 kilôgam chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất phải loại trừ theo Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy hoặc từ 1.500 kilôgam đến dưới 3.000 kilôgam chất thải nguy hại khác nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Xả thải ra môi trường từ 500 mét khối (m^3) trên ngày đến dưới 5.000 mét khối (m^3) trên ngày nước thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường từ 05 lần đến dưới 10 lần hoặc từ 300 mét khối (m^3) trên ngày đến dưới 500 mét khối (m^3) trên ngày nước thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường 10 lần trở lên;

d) Xả thải ra môi trường 500 mét khối (m^3) trên ngày trở lên nước thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường từ 03 lần đến dưới 05 lần hoặc từ 300 mét khối (m^3) trên ngày đến dưới 500 mét khối (m^3) trên ngày nước thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường từ 05 lần đến dưới 10 lần hoặc từ 100 mét khối (m^3) trên ngày đến dưới 300 mét khối (m^3) trên ngày nước thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường 10 lần trở lên nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

đ) Thải ra môi trường từ 150.000 mét khối (m^3) trên giờ đến dưới 300.000 mét khối (m^3) trên giờ khí thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường từ 05 lần đến dưới 10 lần hoặc từ 100.000 mét

khối (m^3) trên giờ đến dưới 150.000 mét khối (m^3) trên giờ khí thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường 10 lần trở lên;

...

Không quy định các yếu tố định tội, định khung về gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng như BLHS năm 1999, điều đó có nghĩa là việc gây ra hậu quả như thế nào không còn là yếu tố bắt buộc như quy định tại Điều 182 BLHS năm 1999.

- Về mức hình phạt có những sửa đổi: Mức phạt tiền được tăng lên, trong đó các khoản đều có thể phạt tiền hoặc phạt tù (khoản 2 Điều 182 BLHS năm 1999 chỉ quy định phạt tù, không có phạt tiền).

- Khoản 3 quy định phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 năm đến 07 năm đối với các hành vi vi phạm sau:

a) Chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường trái pháp luật 5.000 kilôgam trở lên chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất phải loại trừ theo Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy hoặc 50.000 kilôgam trở lên chất thải nguy hại khác;

b) Xả thải ra môi trường 10.000 mét khối (m^3) trên ngày trở lên nước thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường từ 05 lần đến dưới 10 lần hoặc 5.000 mét khối (m^3) trên ngày trở lên nước thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường 10 lần trở lên;

c) Thải ra môi trường 500.000 mét khối (m^3) trên giờ trở lên khí thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường từ 05 lần đến dưới 10 lần hoặc 300.000 mét khối (m^3) trên giờ trở lên khí thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường 10 lần trở lên;

d) Chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường trái pháp luật chất thải rắn thông thường 500.000 kilôgam trở lên;

đ) Xả thải ra môi trường nước thải, chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường chất thải rắn hoặc phát tán khí thải có chứa chất phóng xạ vượt giá trị liều 400 milisivơ (mSv) trên năm trở lên hoặc giá trị suất liều 0,02 milisivơ (mSv) trên giờ trở lên;

e) Gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.

- Khoản 5 bổ sung trách nhiệm hình sự của pháp nhân đối với tội này. Trên thực tế, gây ô nhiễm môi trường là hành vi mà trên thực tế pháp nhân có vi

phạm phổ biến trong thời gian qua. Do vậy, chế tài đối với loại tội phạm này dành cho pháp nhân phạm tội khá nghiêm khắc, với mức phạt tiền thấp nhất là 3 tỷ đồng và mức cao nhất là 20 tỷ đồng. Trường hợp gây ra các hậu quả không khắc phục được thì pháp nhân sẽ bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn. Ngoài hình phạt chính, pháp nhân còn có thể bị áp dụng hình phạt tiền bổ sung từ 1.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định từ 01 năm đến 03 năm.

2. Tội vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại (Điều 236)

Điều 236 đã cụ thể hóa hành vi vi phạm tại các khoản thay cho quy định chung chung của Điều 182a BLHS 1999 là “*người nào vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại*” và loại bỏ quy định “*gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng hoặc gây hậu quả nghiêm trọng khác*” nhằm đảm bảo tính khả thi, dễ áp dụng của điều luật trên thực tiễn. Điều luật quy định rõ hành vi của người có thẩm quyền mà “*cho phép chôn, lấp, đổ, thải trái quy định của pháp luật chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất phải loại trừ theo 202 Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy từ 3.000 kilôgam đến dưới 5.000 kilôgam; chất thải có chứa chất phóng xạ, gây nhiễm xạ môi trường thuộc nguồn phóng xạ loại có mức độ nguy hiểm dưới trung bình theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn bức xạ - phân nhóm và phân loại nguồn phóng xạ vượt quy chuẩn cho phép...*”. Các mức độ vi phạm được quy định trên cơ sở cân nhắc, đối chiếu với các quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành về xử phạt vi phạm hành chính đối trong lĩnh vực môi trường, tính hợp lý, khả thi của điều luật.

Điều luật cũng bỏ quy định dẫn chiếu lên Điều 182 (BLHS năm 1999), Điều 235 (BLHS năm 2015) về tội gây ô nhiễm môi trường, theo đó, các hành vi đổ, thải chất thải nguy hại sẽ được quy định trực tiếp tại Điều 235 về tội gây ô nhiễm môi trường. Điều 236 chỉ quy định hành vi của người có thẩm quyền trong việc quản lý chất thải nguy hại.

Về chế tài, mức hình phạt cao nhất ở khoản 1 là 2 năm tù (BLHS năm 1999 là 3 năm); tại khoản 2 là 05 năm (BLHS năm 1999 là 07 năm). Ngoài ra, hình phạt tiền cũng được bổ sung tại khoản 2 với mức phạt tiền là hình phạt chính từ 200 triệu đồng đến 1 tỷ đồng, đây là điểm mới so với quy định cũ chỉ quy định hình phạt tù có thời hạn, nhằm tăng khả năng lựa chọn hình phạt cho Tòa án khi quyết định hình phạt.

3. Tội vi phạm quy định về phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường (Điều 237)

So với Điều 182b BLHS năm 1999, Điều 237 BLHS năm 2015 đã bỏ

sung quy định về “*khắc phục sự cố về môi trường*” để đảm bảo phù hợp với yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm; do vậy tên điều luật cũng được sửa đổi cho phù hợp.

Về cấu thành tội phạm, điều luật đã cụ thể hóa dấu hiệu “*gây hậu quả nghiêm trọng khác*” bằng các mức độ thiệt hại cụ thể về tính mạng, sức khỏe và tài sản của người khác. Ví dụ: điểm b khoản 1 quy định “*Vi phạm quy định về ứng phó, khắc phục sự cố môi trường làm môi trường bị ô nhiễm nghiêm trọng hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121% hoặc gây thiệt hại từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng*”.

Về chế tài, tại khoản 2 Điều 237 đã bổ sung hình phạt tiền bên cạnh hình phạt tù để tăng khả năng lựa chọn hình phạt cho Tòa án khi quyết định hình phạt.

Điều luật quy định bổ sung trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại trong trường hợp phạm tội với mức phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 10.000.000.000 đồng, đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 01 năm đến 03 năm, đình chỉ hoạt động vĩnh viễn hoặc phạt tiền bổ sung từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định từ 01 năm đến 03 năm tại Khoản 5.

4. Tội vi phạm quy định về bảo vệ an toàn công trình thủy lợi, đê điều và phòng, chống thiên tai; vi phạm quy định về bảo vệ bờ, bãi sông (Điều 238)

Đây là điều luật mới được bổ sung vào BLHS năm 2015.

- Khoản 1 Điều 238 quy định các hành vi phạm tội bị xử lý hình sự khi gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe con người hoặc thiệt hại về tài sản, đó là các hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, công trình phòng, chống thiên tai; công trình thủy lợi, đê điều, công trình phòng, chống thiên tai, công trình bảo vệ, khai thác, sử dụng, quan trắc, giám sát tài nguyên nước, công trình phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra; vận hành hồ chứa nước không đúng quy trình vận hành hồ chứa, quy trình vận hành liên hồ chứa; vận hành công trình phân lũ, làm chậm lũ không đúng với quy trình, quy chuẩn kỹ thuật cho phép, trừ trường hợp đặc biệt thực hiện theo quyết định của người có thẩm quyền...

- Khoản 2, 3 quy định chế tài đối với các trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự, với mức phạt tiền cao nhất lên đến 2.000.000.000 đồng và phạt tù lên đến 10 năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất

định từ 02 năm đến 05 năm.

- Pháp nhân thương mại phạm tội này thì *bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng, đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 01 năm đến 03 năm, đình chỉ hoạt động vĩnh viễn*. Hình phạt bổ sung gồm phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định từ 01 năm đến 03 năm.

5. Tội đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam (Điều 239)

Điều 239 đã cụ thể hóa dấu hiệu “*chất thải nguy hại hoặc chất thải khác có số lượng lớn*” và bổ quy định dấu hiệu “*gây hậu quả nghiêm trọng*” được quy định tại Điều 185 BLHS năm 1999. Mức định lượng được quy định cụ thể, theo đó người nào “*Đưa từ 1.000 kilôgam đến dưới 3.000 kilôgam chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất phải loại trừ theo Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy hoặc từ 3.000 kilôgam đến dưới 10.000 kilôgam chất thải nguy hại khác*” và “*Đưa từ 70.000 kilôgam đến dưới 170.000 kilôgam chất thải khác*” thì bị xử lý theo khoản 1 Điều 239.

Ngoài ra, thay vì quy định tại Điều 185 BLHS năm 1999 về thủ đoạn của người phạm tội “*người nào lợi dụng việc nhập khẩu công nghệ, máy móc, thiết bị, phế liệu hoặc hóa chất, chế phẩm sinh học hoặc bằng thủ đoạn khác đưa vào lãnh thổ Việt Nam chất thải nguy hại hoặc chất thải khác với số lượng lớn hoặc gây hậu quả nghiêm trọng*”, BLHS năm 2015 quy định gọn hơn theo hướng không đề cập đến thủ đoạn cụ thể mà chỉ quy định hành vi “*người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị ...*”.

Về chế tài xử lý, hình phạt tiền cũng được bổ sung tại khung tăng nặng (khoản 2) với tư cách là hình phạt chính bên cạnh hình phạt tù.

Ngoài ra, Điều 239 BLHS năm 2015 quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại đối với hành vi đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam, theo đó mức phạt tiền cao nhất đối với pháp nhân phạm tội đến 7.000.000.000 đồng hoặc bị đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 01 năm, đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 01 năm đến 03 năm, đình chỉ hoạt động vĩnh viễn. Hình phạt bổ sung đối với pháp nhân phạm tội là phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định từ 01 năm đến 03 năm.

6. Tội làm lây lan dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm cho người (Điều 240)

Điều luật thay đổi “*dịch bệnh nguy hiểm*” được sửa thành “*dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm*” để phù hợp với quy định của Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007.

Ngoài việc bổ sung quy định hình phạt tiền tại khung cơ bản, Điều 240 BLHS năm 2015 còn bổ sung các hành vi sau “*cho phép đưa ra khỏi vùng có dịch bệnh động vật, thực vật, sản phẩm động vật, thực vật hoặc vật phẩm khác có khả năng truyền dịch bệnh nguy hiểm cho người*”, nhằm quy định rõ hơn việc mở rộng đối tượng phạm tội là những người có chức vụ, quyền hạn.

Điều luật đã tách khoản 2 thành 02 khoản (khoản 2 và khoản 3) để quy định chính sách xử lý phù hợp đối với từng trường hợp và cụ thể hóa các dấu hiệu “*gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng*” quy định tại khoản 2 Điều 186 BLHS năm 1999. Thay vào đó, người nào phạm tội thuộc các trường hợp dẫn đến phải công bố dịch thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Bộ trưởng Bộ Y tế hoặc gây chết người, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm; phạm tội dẫn đến phải công bố dịch thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ hoặc làm chết 02 người trở lên, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 12 năm.

Về chế tài, mức phạt tù có thời hạn cơ bản được giữ nguyên như quy định tại Điều 186 BLHS năm 1999. Hình phạt tiền bổ sung với mức tối thiểu được nâng lên 20.000.000 đồng, so với mức cũ là 10.000.000 đồng.

7. Tội làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho động vật, thực vật (Điều 241)

Điều 241 đã bổ sung hành vi “*cho phép đưa vào, mang ra khỏi vùng có dịch động vật, thực vật, sản phẩm động vật, thực vật hoặc vật phẩm khác bị nhiễm bệnh hoặc mang mầm bệnh, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác*” để quy định rõ chủ thể của tội phạm là những người có chức vụ, quyền hạn.

Điều luật cũng thay đổi quy định “*Khu vực hạn chế lưu thông*”, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 187 BLHS năm 1999 được thay bằng “*vùng có dịch*” để rõ hơn và phù hợp với quy định của Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007.

Dấu hiệu “*gây hậu quả nghiêm trọng*” tại khoản 1 Điều 187 BLHS năm 1999 đã được cụ thể hóa bằng các thiệt hại về tài sản “*gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng*”.

Quy định tại khoản 2 Điều 187 BLHS năm 1999 “*phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng*” đã được chia thành hai khoản 2 và 3 để quy định chính sách xử lý phù hợp đối với từng trường hợp và cụ thể hóa các dấu hiệu “*gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng*”. Cụ thể, khoản 2 quy định người nào phạm tội gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng hoặc dẫn đến phải công bố dịch thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm; phạm tội gây thiệt

hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng hoặc dẫn đến phải công bố dịch thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.

Về chế tài xử phạt, mức phạt tù có thời hạn cơ bản được giữ nguyên, giảm mức hình phạt tù tối đa tại khoản 1 từ 3 năm xuống thành 2 năm. Hình phạt tiền bổ sung được nâng lên ở mức tối thiểu và mức tối đa, từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, thay cho mức 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

8. Tội hủy hoại nguồn lợi thủy sản (Điều 242)

Cấu thành cơ bản của tội phạm đã cụ thể hóa dấu hiệu “gây hậu quả nghiêm trọng” bằng các thiệt hại vật chất cụ thể (*gây thiệt hại nguồn lợi thủy sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng hoặc thủy sản thu được trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*).

Các hành vi cũng được viết gọn cho chính xác hơn. Ví dụ: cụm từ “*phương tiện, ngư cụ khác bị cấm*”, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 188 BLHS năm 1999 được sửa thành “*phương tiện, ngư cụ bị cấm*”;

Tại khoản 1 đã bổ sung tình tiết “*đ. Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; e. Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%*” làm căn cứ đánh giá mức hậu quả nghiêm trọng của hành vi phạm tội.

- Cụ thể hóa tình tiết “hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng” tại Khoản 2, 3 như sau:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 năm đến 05 năm:

a) Gây thiệt hại nguồn lợi thủy sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng hoặc thủy sản thu được trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

b) Làm chết người;

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

a) Gây thiệt hại nguồn lợi thủy sản 1.500.000.000 đồng trở lên hoặc thủy sản thu được trị giá 500.000.000 đồng trở lên;

b) Làm chết 02 người trở lên;

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên".

Để ngăn chặn tình trạng hủy hoại nguồn lợi thủy sản, các chế tài cũng có sự điều chỉnh cơ bản. Mức phạt tiền tại khoản 1 được nâng lên, với mức thấp nhất là 50.000.000 đồng so với quy định trước đây là 10.000.000 đồng và mức tối đa từ 100.000.000 đồng lên 300.000.000 đồng. Mức phạt tiền ở khung tăng nặng đối với các cá nhân phạm tội được quy định lên đến 1.000.000.000 đồng. Hình phạt tù tối đa cũng được nâng từ 05 năm lên đến 10 năm.

Điều luật cũng đã bổ sung trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại, theo đó nếu pháp nhân phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng; nếu phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng; nếu phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 điều này thì bị phạt tiền từ 3.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm. Ngoài ra, pháp nhân còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định từ 01 năm đến 03 năm hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.

9. Tội hủy hoại rừng (Điều 243)

Về cấu thành tội phạm, quy định chung chung tại Điều 189 BLHS năm 1999 “*người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng gây hậu quả nghiêm trọng*”, “*hủy hoại diện tích rừng rất lớn*”, “*hủy hoại diện tích rừng đặc biệt lớn*” đã được thay bằng những định lượng cụ thể với các loại rừng khác nhau như rừng khoanh nuôi tái sinh, rừng sản xuất, rừng đặc dụng.

Ví dụ, khoản 1 Điều 243 BLHS năm 2015 quy định trách nhiệm hình sự về tội hủy hoại rừng đối với các hành vi hủy hoại, gồm:

a) Cây trồng chưa thành rừng hoặc rừng khoanh nuôi tái sinh thuộc rừng chưa có trữ lượng có diện tích từ 30.000 mét vuông (m^2) đến dưới 50.000 mét vuông (m^2);

b) Rừng sản xuất có diện tích từ 5.000 mét vuông (m^2) đến dưới 10.000 mét vuông (m^2);

c) Rừng phòng hộ có diện tích từ 3.000 mét vuông (m^2) đến dưới 7.000 mét vuông (m^2);

d) Rừng đặc dụng có diện tích từ 1.000 mét vuông (m^2) đến dưới 3.000 mét vuông (m^2);

Điều 243 cũng đã cụ thể hóa dấu hiệu gây hậu quả nghiêm trọng bằng các định lượng cụ thể như gây thiệt hại về lâm sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến

dưới 100.000.000 đồng trong trường hợp rừng bị thiệt hại không tính được bằng diện tích; Thực vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IA trị giá từ 20.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng; thực vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA trị giá từ 40.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng. Đồng thời, vẫn giữ lại quy định để xử lý nghiêm các hành vi tái phạm hành chính hoặc đã bị kết án về tội này chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, theo đó các hành vi hủy hoại diện tích rừng hoặc giá trị lâm sản dưới mức quy định tại một trong các điểm a, b, c, d, đ và e khoản này nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì vẫn bị xử lý theo Điều 243 về tội hủy hoại rừng.

Điều 243 BLHS năm 2015 đã bổ sung trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại đối với tội này, theo đó các chế tài đối với pháp nhân phạm tội là phạt tiền với mức thấp nhất là 500.000.000 đồng và mức cao nhất là 7.000.000.000 đồng; bị đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm; đình chỉ hoạt động vĩnh viễn. Pháp nhân còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định từ 01 năm đến 03 năm hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.

10. Tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (Điều 244)

Điều luật này được sửa đổi, bổ sung trên cơ sở quy định tại Điều 190 BLHS năm 1999. Trong thực tiễn, việc xử lý các hành vi quy định tại Điều 190 BLHS năm 1999 về các hành vi “vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ” gặp khó khăn do điều luật chỉ quy định xử lý hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ theo danh mục của Nhà nước ta mà không đề cập đến danh mục động vật nguy cấp, quý hiếm thuộc Nhóm IB hoặc thuộc Phụ lục I của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, nên lâu nay những hành vi buôn bán, vận chuyển mẫu vật các loài nguy cấp quý hiếm từ nước ngoài về Việt Nam thuộc Phụ lục I của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (chủ yếu là ngà voi, sừng tê giác) không xử lý được theo Điều 190 BLHS năm 1999 mà tùy theo từng trường hợp được xử lý theo các điều (153- Tội buôn lậu, Điều 154, tội vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới, Điều 155- Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán hàng cấm) và cũng rất khó xử lý vì các điều luật này đều có quy định các tình tiết định khung “số lượng lớn, số lượng rất lớn, số lượng đặc biệt lớn” mà không có hướng dẫn mức cụ thể.

Để khắc phục bất cập nói trên, điều luật đã bổ sung đối tượng được bảo vệ là “*động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm thuộc Nhóm IB hoặc Phụ lục I Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp*” và quy định khối lượng mẫu vật hoặc số lượng cá thể từng nhóm, loài theo 3 khoản cụ thể, kể cả ngà voi và sừng tê giác. Đồng thời bổ sung các tình tiết tại khung tăng nặng “*buôn bán, vận chuyển qua biên giới*”, “*tái phạm nguy hiểm*” nhằm điều chỉnh và xử lý nghiêm các trường hợp phạm tội. Ngoài ra, điều luật cũng quy định xử lý hình sự đối với một số trường hợp đã bị xử lý vi phạm hành chính hoặc đã bị kết án chưa được xóa án tích mà còn vi phạm; bổ các tình tiết quy định chung chung trước đây là “*gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng*”.

Hình phạt tù tại khoản 3 được quy định từ 10 năm đến 15 năm (so với mức phạt tù tối đa là 7 năm quy định tại Điều 190 BLHS năm 1999). Như vậy, về chính sách xử lý đã có sự điều chỉnh thể hiện thái độ xử lý nghiêm khắc hơn của Nhà nước đối với loại tội này.

Điều luật bổ sung quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại phạm tội với hình phạt chính là phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 15.000.000.000 đồng, đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm hoặc đình chỉ hoạt động vĩnh viễn. Ngoài ra, pháp nhân còn có thể bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 600.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định từ 01 năm đến 03 năm hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.

11. Tội vi phạm quy định về quản lý khu bảo tồn thiên nhiên (Điều 245)

Điều 245 BLHS năm 2015 đã cụ thể hóa dấu hiệu “*gây hậu quả nghiêm trọng*” tại cấu thành cơ bản bằng các định lượng thiệt hại cụ thể về tài sản và diện tích cảnh quan, hệ sinh thái tự nhiên trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn thiên nhiên. Ngoài ra, điều luật cũng bổ sung tình tiết “*đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong những hành vi này mà còn vi phạm hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm*” nhằm xử lý nghiêm các hành vi vi phạm ở mức độ ít nghiêm trọng nhưng diễn ra nhiều lần.

Điều 245 BLHS năm 2015 đã gộp các khoản 2 và 3 của Điều 191 BLHS năm 1999 thành một khoản, đồng thời cũng xây dựng cụ thể các quy định về định lượng, như:

- Thay các dấu hiệu “*gây hậu quả nghiêm trọng đối với phân khu bảo vệ nghiêm ngặt*”, “*gây hậu quả rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng đối với phân khu bảo vệ nghiêm ngặt*” bằng các định lượng cụ thể về thiệt hại tài sản và cảnh quan, hệ sinh thái.

- Điều chỉnh mức tối đa của hình phạt tù có thời hạn là từ 10 năm xuống

07 năm cho phù hợp và thu hẹp khoảng cách hình phạt tù tối thiểu, tối đa từ 03 năm đến 10 năm thành từ 03 năm đến 07 năm, khắc phục việc quy định khung hình phạt quá rộng, dẫn đến tùy tiện, khó quyết định mức hình phạt khi xét xử.

Điều luật bổ sung trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại phạm tội, với chế tài phạt tiền từ 300 triệu đến 3 tỷ đồng, đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm, đình chỉ hoạt động vĩnh viễn. Hình phạt bổ sung gồm phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.

12. Tội nhập khẩu, phát tán các loài ngoại lai xâm hại (Điều 246)

Điều 246 BLHS năm 2015 đã thay quy định có cấu thành vật chất “*người nào cố ý nhập khẩu, phát tán các loài ngoại lai gây hậu quả nghiêm trọng*” tại khoản 1 Điều 191a BLHS năm 1999 bằng cấu thành hình thức, quy định các hành vi vi phạm cụ thể như “*nhập khẩu trái phép loài động vật, thực vật ngoại lai xâm hại hoặc loài động vật, thực vật ngoại lai có nguy cơ xâm hại trong trường hợp vật phạm pháp trị giá từ 250.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng hoặc trong trường hợp vật phạm pháp trị giá dưới 250.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm*”. Riêng đối với hành vi phát tán thì chỉ xử lý về hình sự khi có hậu quả xảy ra với định lượng cụ thể về thiệt hại, “*phát tán loài động vật, thực vật ngoại lai xâm hại hoặc loài động vật, thực vật ngoại lai có nguy cơ xâm hại, gây thiệt hại về tài sản từ 150.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng*”. Điều này cho thấy có sự phân biệt trong chính sách xử lý đối với các hành vi nhập khẩu và phát tán các loài ngoại lai xâm hại. Tình tiết “*gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng*” quy định tại Điều 191a trước đây cũng được thay bằng các định lượng về trị giá vật phạm pháp, thiệt hại về tài sản. Cụ thể:

a) ... trong trường hợp vật phạm pháp trị giá từ 250.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng ...;

b) ... gây thiệt hại về tài sản từ 150.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.

Về chế tài, hình phạt tiền được nâng lên, khoản 1 quy định mức phạt từ 100.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng thay cho mức quy định của Điều 191a BLHS năm 1999 là từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng. Mức phạt tù tối đa tại khoản 2 được giảm xuống từ 10 năm xuống 07 năm cho phù hợp, bảo đảm khung hình phạt không quá rộng.

Điều luật bổ sung trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại phạm tội, với chế tài phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng, đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm. Hình phạt bổ sung gồm phạt

tiền từ 100.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng, cầm kinh doanh, cầm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cầm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.

VII. CÁC TỘI XÂM PHẠM TRẬT TỰ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH

Chương này gồm 22 điều (*từ Điều 330 đến Điều 351*), trong đó sửa đổi 16 điều, giữ nguyên 04 điều, bổ sung mới 02 điều, bãi bỏ 01 điều, quy định tội chống người thi hành công vụ; Tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; Tội trốn tránh nghĩa vụ quân sự; Tội không chấp hành lệnh gọi quân nhân dự bị nhập ngũ; Tội làm trái quy định về việc thực hiện nghĩa vụ quân sự; Tội cản trở việc thực hiện nghĩa vụ quân sự; Tội đăng ký hộ tịch trái pháp luật; Tội cố ý làm lộ bí mật nhà nước; tội chiếm đoạt, mua bán hoặc tiêu hủy vật hoặc tài liệu bí mật nhà nước; Tội vô ý làm lộ bí mật nhà nước; tội làm mất vật, tài liệu bí mật nhà nước; Tội giả mạo chức vụ, cấp bậc, vị trí công tác; Tội sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức; Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; Tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Tội vi phạm các quy định về quản lý nhà ở; Tội vi phạm quy định về hoạt động xuất bản; Tội vi phạm các quy định về bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam, thắng cảnh gây hậu quả nghiêm trọng; Tội vi phạm quy chế về khu vực biên giới; Tội vi phạm quy định về xuất cảnh, nhập cảnh; tội ở lại Việt Nam trái phép; Tội tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép; Tội tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép; Tội cưỡng ép người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép; Tội xúc phạm Quốc kỳ, Quốc huy, Quốc ca.

Những nội dung sửa đổi, bổ sung trong các điều luật cụ thể như sau:

1. Tội chống người thi hành công vụ (Điều 330)

Cụ thể hóa tình tiết “*Gây hậu quả nghiêm trọng*” tại khoản 2 Điều 257 BLHS năm 1999 thành thiệt hại về tài sản 50.000.000 đồng trở lên tại khoản 2; tình tiết “*Phạm tội nhiều lần*” tại Điểm a Khoản 2 Điều 257 BLHS năm 1999 thành “*Phạm tội 2 lần trở lên*” quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 330 BLHS năm 2015.

2. Tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân (Điều 331)

- Sửa đổi cụm từ “*công dân*” tại Điều 258 BLHS năm 2015 bằng cụm từ “*cá nhân*” để mở rộng khách thể bảo vệ phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013 và yêu cầu thực tiễn của quá trình hội nhập quốc tế những năm gần đây của nước ta.

- Sửa đổi tiết định khung của khoản 2 Điều 258 BLHS năm 1999 “Phạm tội trong trường hợp nghiêm trọng” bằng tình tiết “*Phạm tội gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội*”.

3. Các quy định về tội trốn tránh nghĩa vụ quân sự (Điều 332); Tội không chấp hành lệnh gọi quân nhân dự bị nhập ngũ (Điều 333); Tội làm trái quy định về việc thực hiện nghĩa vụ quân sự (Điều 334); Tội cản trở việc thực hiện nghĩa vụ quân sự (Điều 335) được giữ nguyên nội dung như các điều 259, 260, 261 và 262 BLHS năm 1999, chỉ sửa về kỹ thuật trình bày văn bản, như: Mức của các hình phạt chính, hình phạt bổ sung (phạt tù, phạt tiền ...) sửa từ viết bằng số thành viết bằng chữ.

4. Tội đăng ký hộ tịch trái pháp luật (Điều 336)

Đây là tội phạm mới được hình thành trên cơ sở thu hút tội đăng ký kết hôn trái pháp luật quy định tại Điều 149 của BLHS năm 1999 và bổ sung hành vi vi phạm khác trong lĩnh vực đăng ký hộ tịch để xử lý về hình sự đối với một số hành vi vi phạm phát sinh trong hoạt động đăng ký hộ tịch. Cấu thành tội phạm này gồm có:

- *Mặt khách quan của tội phạm:* Hành vi thuộc mặt khách quan của tội phạm này là: đăng ký hộ tịch trái pháp luật; cấp giấy tờ về hộ tịch trái pháp luật. Các hành vi vi phạm nêu trên chỉ cấu thành tội phạm nếu như trước đó người thực hiện hành vi vi phạm đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm.

- *Về khách thể:* tội phạm này xâm đến trật tự quản lý nhà nước về đăng ký hộ tịch.

- *Mặt chủ quan của tội phạm:* tội phạm này được thực hiện với lỗi cố ý, động cơ, mục đích không phải là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm.

- *Chủ thể tội phạm này là chủ thể đặc biệt, đó là người nào có nhiệm vụ, quyền hạn trong hoạt động đăng ký hộ tịch.*

- *Về hình phạt:* Tội phạm này có 02 khung hình phạt chính và 01 khung hình phạt bổ sung; *cụ thể là:*

+ *Khung 1:* Phạt cảnh cáo hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm;

+ *Khung 2:* Phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

Ngoài hình phạt chính, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

5. Tội cố ý làm lộ bí mật nhà nước; tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu bí mật nhà nước (Điều 337)

- Bổ sung vật mang, chứa đựng bí mật nhà nước là đối tượng tác động của tội phạm này.

- Cụ thể hóa các dấu hiệu phạm tội “gây hậu quả nghiêm trọng”, “gây hậu quả rất nghiêm trọng”, “gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 263 BLHS năm 1999 bằng các hậu quả cụ thể và thêm một số tình tiết định khung hình phạt ở các khoản này, cụ thể là:

+ Tình tiết định khung duy nhất ở Khoản 2 Điều 263 BLHS 1999 “Gây hậu quả nghiêm trọng” được sửa đổi cụ thể hóa và bổ sung thêm một số tình tiết ở các Điểm a, b, c Khoản 2 Điều 337 BLHS 2015 là: “a) *Bí mật nhà nước thuộc độ tối mật; b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn; c) Gây tổn hại về quốc phòng, an ninh, đối ngoại, kinh tế, văn hóa*”.

+ Tình tiết định khung Khoản 3 Điều 263 BLHS 1999 “Gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng” được sửa đổi cụ thể hóa và bổ sung thêm một số tình tiết thành các Điểm a, b, c, d Khoản 3 Điều 337 BLHS 2015 là: a) *Có tổ chức; b) Bí mật nhà nước thuộc độ tuyệt mật; c) Phạm tội 02 lần trở lên; d) Gây tổn hại về chế độ chính trị, độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ*.

6. Tội vô ý làm lộ bí mật nhà nước; tội làm mất vật, tài liệu bí mật nhà nước (Điều 338)

Bổ sung vật mang, chứa đựng bí mật nhà nước là đối tượng tác động của tội phạm này.

Bãi bỏ tình tiết “Phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng” tại khoản 2 Điều 264 BLHS năm 1999, đồng thời bổ sung các tình tiết: “*Bí mật nhà nước thuộc độ tối mật, tuyệt mật*”; “*Gây tổn hại về quốc phòng, an ninh, đối ngoại, kinh tế, văn hóa, chế độ chính trị, độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ*” tại khoản 2 Điều 338.

7. Tội giả mạo chức vụ, cấp bậc, vị trí công tác (Điều 339)

Tội phạm hóa hành vi *giả mạo vị trí công tác* để thực hiện hành vi trái pháp luật và bổ sung quy định loại trừ trường hợp người thực hiện một trong các hành vi quy định trong điều luật này *không nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản*. Theo đó, nếu người thực hiện hành vi giả mạo chức vụ, cấp bậc, vị trí công tác nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản thì không phải là hành vi thuộc mặt khách quan của tội phạm này mà có thể là hành vi thuộc mặt khách quan của tội phạm khác như tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và người thực hiện hành vi vi phạm sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội phạm đó nếu thỏa mãn các dấu hiệu khác nữa của cấu thành tội phạm.

8. Tội sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức (Điều 340)

- Theo quy định của BLHS năm 1999, hành vi sửa chữa, làm sai lệch nội

dung hộ chiếu, thị thực, hộ khẩu, hộ tịch, các loại giấy chứng nhận hoặc tài liệu của cơ quan, tổ chức và sử dụng giấy tờ đó thực hiện hành vi trái pháp luật gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm là hành vi thuộc mặt khách quan của cấu thành tội phạm này, theo quy định của BLHS năm 2015 những hành vi nêu trên bị coi là tội phạm nếu người thực hiện hành vi sử dụng giấy tờ đó thực hiện tội phạm hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

- Sửa đổi tình tiết “Gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng” tại khoản 2 Điều 266 BLHS năm 1999 bằng tình tiết “*Sử dụng giấy tờ, tài liệu đã bị sửa chữa hoặc làm sai lệch thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng*”.

- Hình phạt: Tại khoản 1 Điều 266 BLHS năm 1999, hình phạt chính là từ 01 triệu đến 10 triệu, Điều 340 BLHS năm 2015 sửa lại thành *từ 10 triệu đến 50 triệu*; Tại khoản 3 Điều 266 BLHS năm 1999 hình phạt bổ sung từ 01 triệu đến 5 triệu, Điều 340 BLHS năm 2015 nâng lên thành *từ 5 triệu đến 20 triệu*.

9. Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức (Điều 341)

- Bổ sung vào tên của điều luật cụm từ “*tội sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” để đầy đủ, phù hợp với nội dung của điều luật.

- Sửa dấu hiệu trong cấu thành cơ bản của tội phạm quy định tại khoản 1 Điều 267 BLHS năm 1999 “nhằm lừa dối cơ quan, tổ chức hoặc công dân” bằng dấu hiệu “*thực hiện hành vi trái pháp luật*” (khoản 1 Điều 341 BLHS năm 2015).

- Cụ thể hóa các tình tiết gây hậu quả nghiêm trọng, gây hậu quả rất nghiêm trọng, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng tại khoản 2 và khoản 3 Điều 267 BLHS năm 1999 bằng số lượng cụ thể con dấu, tài liệu giấy tờ bị làm giả, số tiền thu lợi bất chính và việc sử dụng con dấu, tài liệu, giấy tờ đó thực hiện từng loại tội phạm cụ thể ở từng khoản của điều luật, cụ thể là:

+ Tình tiết “Gây hậu quả nghiêm trọng” quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 267 BLHS 1999 sửa đổi, cụ thể thành các điểm c, d, đ Khoản 2 Điều 341 BLHS năm 2015 lần lượt là *c) Làm từ 02 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác đến 05 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác; d) Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng; đ) Thu lợi bất chính từ 10.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng; e) Tái phạm nguy hiểm*.

+ Tình tiết định khung Khoản 3 “Gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng” sửa đổi, cụ thể hòa thành các điểm: *a) Làm 06 con dấu, tài*

liệu hoặc giấy tờ khác trở lên; b) Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng; c) Thu lợi bất chính 50.000.000 đồng trở lên.

- Khoản 1, bổ sung hình phạt cải tạo không giam giữ là hình phạt chính, đồng thời giảm mức tối đa của khung hình phạt tù xuống còn 02 năm (từ 06 tháng đến 02 năm) thay cho 03 năm (từ 06 tháng đến 03 năm) theo BLHS năm 1999.

- Sửa đổi tình tiết “*Phạm tội nhiều lần*” quy định tại điểm b Điều 267 BLHS 1999 sửa thành “*Phạm tội 02 lần trở lên*” tại Điểm b Khoản 2 Điều 341 BLHS năm 2015.

- Giảm mức hình phạt tù đầu khung ở Khoản 3 từ 4 năm (từ 04 năm đến 07 năm xuống 3 năm (từ 03 năm đến 7 năm).

10. Tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (Điều 342)

- Sửa đổi cụm từ “cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội” tại tên điều luật và khoản 1 Điều 268 BLHS năm 1999 bằng cụm từ “*cơ quan, tổ chức*” tại Điều 342 BLHS năm 2015 cả trong tiêu đề tội danh và cấu thành cơ bản khoản 1.

- Sửa đổi tình tiết “gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng” tại khoản 2 Điều 268 BLHS năm 1999 bằng các tình tiết “*Thu lợi bất chính 10.000.000 đồng trở lên*” và “*Để thực hiện hành vi trái pháp luật*”.

- Sửa đổi mức hình phạt chính và hình phạt bổ sung ở các khoản của điều luật theo hướng tăng lên, cụ thể:

+ Nâng hình phạt tiền là hình phạt chính ở khoản 1 từ “01 triệu đồng đến 10 triệu đồng” lên “*từ 5 triệu đồng đến 50 triệu đồng*”. Nâng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung quy định tại khoản 3 “từ 1 triệu đồng đến 5 triệu đồng” lên “*từ 5 triệu đồng đến 20 triệu đồng*”.

+ Nâng mức hình phạt tù đầu khung ở khoản 2 từ “1 năm” lên “*2 năm*”

11. Tội vi phạm các quy định về quản lý nhà ở (Điều 343)

Điều luật này giữ nguyên nội dung như Điều 272 BLHS năm 1999, chỉ sửa kỹ thuật trình bày, như: Mức của các hình phạt chính, hình phạt bổ sung (phạt tù, phạt tiền ...).

12. Tội vi phạm các quy định về hoạt động xuất bản (Điều 344)

- Các hành vi về xuất bản, phát hành sách, báo, đĩa âm thanh, băng âm thanh, đĩa hình, băng hình hoặc các ấn phẩm khác được nêu trong Điều 271 BLHS năm 1999 được BLHS năm 2015 gọi chung và sửa đổi thành *hoạt động*

xuất bản cho phù hợp với Luật xuất bản năm 2012. Do đó, tiêu đề của tội danh được sửa đổi ngắn gọn lại.

- So với Điều 271 BLHS năm 1999, Điều 344 BLHS năm 2015 đã quy định cụ thể hành vi thuộc mặt khách quan của tội phạm; đó là những hành vi quy định từ điểm a đến điểm c khoản 1 Điều luật, cụ thể: (1) In 2.000 bản trở lên đối với từng xuất bản phẩm mà không có quyết định xuất bản, không có giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh hoặc không có bản thảo đã được ký duyệt theo quy định của pháp luật; (2) Xuất bản, in hoặc phát hành xuất bản phẩm đã bị đình chỉ phát hành, bị thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành, tiêu hủy hoặc nhập khẩu trái phép với số lượng 500 bản trở lên đối với từng xuất bản phẩm; (3) Xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử có nội dung bị cấm, không có quyết định xuất bản hoặc không có bản thảo đã được ký duyệt theo quy định của pháp luật.

- So với Điều 271 BLHS năm 1999, Điều 344 BLHS năm 2015 bổ sung một khoản (khoản 2) quy định cấu thành tăng nặng của tội phạm và quy định cụ thể định lượng ở từng khoản của Điều luật; đồng thời, nâng mức hình phạt (cả hình phạt chính và hình phạt bổ sung) đối với tội phạm.

- Hình phạt chính là phạt tiền từ 10 triệu đến 100 triệu nâng lên *từ 20 triệu đến 200 triệu*; hình phạt cải tạo không giam giữ từ đến 01 năm lên đến *02 năm*; nâng mức cao nhất của mức hình phạt tù từ 01 năm lên *02 năm*. Hình phạt tiền bổ sung được nâng từ 10 triệu đến 50 triệu lên *từ 20 triệu đến 100 triệu*.

13. Tội vi phạm các quy định về bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam, thắng cảnh gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 345)

- Đối tượng bị xâm hại là *di tích lịch sử và văn hóa* trong Điều 272 BLHS năm 1999 được tách thành hai vấn đề riêng biệt, Điều 345 BLHS năm 2015 được sửa gộp thành khái niệm chung là *di tích lịch sử - văn hóa*.

- Cụ thể hóa các dấu hiệu “gây hậu quả nghiêm trọng”, gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng” bằng định lượng cụ thể thiệt do hành vi phạm tội gây ra (trị giá bằng tiền) và cấp độ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam, thắng cảnh bị xâm hại, cụ thể:

+ Tình tiết định tội “Gây hậu quả nghiêm trọng” quy định tại Khoản 1 Điều 272 BLHS năm 1999 được sửa đổi, cụ thể hóa tại Điều 345 BLHS năm 2015 là: “*gây hư hại di tích lịch sử - văn hóa, danh lam, thắng cảnh có giá trị từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng; hủy hoại, làm thay đổi yếu tố gốc cấu thành di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh cấp tỉnh*”.

+ Tình tiết định khung khoản 2 Điều 272 BLHS năm 1999 là “gây hậu quả rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng” được sửa đổi, cụ thể hóa tại Khoản 2 Điều 345 BLHS năm 2015 thành: “*gây hư hại di tích lịch sử - văn hóa, danh*

lam, thắng cảnh có giá trị từ 500.000.000 đồng trở lên hoặc hủy hoại, làm thay đổi yếu tố gốc cấu thành di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh cấp quốc gia hoặc cấp quốc gia đặc biệt”.

- Sửa đổi tăng mức hình phạt ở các khoản: Khoản 1, nâng hình phạt tiền là hình phạt chính từ 2 triệu đến 20 triệu lên *10 triệu đến 100 triệu đồng*, nâng mức phạt tù từ 03 tháng đến 03 năm lên thành *06 tháng đến 03 năm*. Khoản 2, nâng hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm tại Khoản 2 Điều 272 BLHS năm 1999 lên thành *từ 03 năm đến 07 năm* tại khoản 2 của Điều luật.

14. Tội vi phạm quy chế về khu vực biên giới (Điều 346)

- Khoản 2 Điều 346 BLHS năm 2015 thay dấu hiệu “tái phạm hoặc phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng” quy định tại khoản 2 Điều 273 BLHS năm 1999 bằng dấu hiệu “*tái phạm nguy hiểm hoặc phạm tội gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội khu vực biên giới*”.

- Sửa đổi nâng mức hình phạt tiền đối với tội phạm, cụ thể:

+ Nâng hình phạt chính là phạt tiền ở khoản 1 từ 5 triệu đồng đến 50 triệu đồng lên thành *từ 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng*.

+ Nâng hình phạt bổ sung là phạt tiền ở khoản 3 từ 03 triệu đến 30 triệu lên thành *từ 05 triệu đến 50 triệu*.

15. Tội vi phạm quy định về xuất cảnh, nhập cảnh; tội ở lại Việt Nam trái phép (Điều 347)

So với Điều 274 BLHS năm 1999, cấu thành của tội vi phạm quy định về xuất cảnh, nhập cảnh; tội ở lại Việt Nam trái phép quy định tại Điều 347 BLHS năm 2015 giữ nguyên, chỉ sửa nâng mức hình phạt đối với tội phạm, cụ thể: tăng hình phạt tù thấp nhất từ 03 tháng lên thành *06 tháng*, tăng hình phạt tù cao nhất từ 02 năm lên thành *03 năm*.

16. Tội tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép (Điều 348)

Đây là điều luật mới bổ sung để hình sự hóa hành vi tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép xảy ra khá phổ biến trong thời gian qua, ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự quản lý nhà nước về xuất, nhập cảnh, cư trú, gây phức tạp về trật tự, an toàn xã hội; đặc biệt là hành vi tổ chức, môi giới cho người ở các nước Châu Phi nhập cảnh Việt Nam trái phép, ở lại Việt Nam trái phép. Tội phạm này có cấu thành như sau:

- *Mặt khách quan của tội phạm*: Điều luật quy định hai loại hành vi phạm tội: Tổ chức cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép; Môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép;

- *Khách thể của tội phạm*: các hành vi phạm tội nêu trên xâm phạm đến trật tự quản lý của nhà nước về xuất, nhập cảnh, cư trú; gây phức tạp về trật tự, an toàn xã hội.

- *Mặt chủ quan của tội phạm*: Tội phạm này được thực hiện với lỗi cố ý; động cơ của người phạm tội là vì vụ lợi. Nếu người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội không phải vì vụ lợi mà với động cơ khác thì không cấu thành tội phạm này mà có thể cấu thành tội phạm khác như tội vi phạm quy định về xuất cảnh, nhập cảnh; tội ở lại Việt Nam trái phép quy định tại Điều 347 BLHS năm 2015 với vai trò là người tổ chức, người giúp sức trong vụ đồng phạm...

- *Chủ thể của tội phạm*: người có năng lực trách nhiệm hình sự và từ đủ 16 tuổi trở lên.

- *Về hình phạt*: Tội phạm này có ba khung hình phạt chính và một khung hình phạt bổ sung; cụ thể là:

+ Khung 1: phạt tù từ 01 năm đến 05 năm được áp dụng đối với trường hợp phạm tội thuộc cấu thành cơ bản của tội phạm.

+ Khung 2: phạt tù từ 05 năm đến 10 năm áp dụng trong các trường hợp phạm tội sau đây: *Lợi dụng chức vụ, quyền hạn; Phạm tội 02 lần trở lên; Đối với từ 05 người đến 10 người; Có tính chất chuyên nghiệp; Thu lợi bất chính từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng; Tái phạm nguy hiểm.*

+ Khung 3: phạt tù từ 07 năm đến 15 năm áp dụng trong các trường hợp phạm tội sau đây: *Đối với 11 người trở lên; Thu lợi bất chính 500 triệu đồng trở lên; Làm chết người.*

Ngoài hình phạt chính, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

17. Tội tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép (Điều 349)

- Điều luật này được tách ra từ Điều 275 BLHS năm 1999 để phân hóa trách nhiệm hình sự giữa hành vi tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép và hành vi cưỡng ép người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép. Đồng thời, hình sự hóa hành vi môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép.

- Thay đổi cơ bản các tình tiết định tội ở khoản 1 và khoản 2, cụ thể:

+ Tình tiết “Phạm tội nhiều lần hoặc gây hậu quả nghiêm trọng hoặc rất nghiêm trọng” ở khoản 2 Điều Điều 275 BLHS năm 1999 được sửa đổi, bổ sung bằng các tình tiết ở khoản 2 Điều 349 BLHS năm 2015 là: a) *Lợi dụng chức vụ, quyền hạn; b) Phạm tội 02 lần trở lên; c) Đối với từ 05 người đến 10 người; d)*

Có tính chất chuyên nghiệp; đ) Thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng; e) Tái phạm nguy hiểm.

+ Tình tiết “Phạm tội gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” ở khoản 3 Điều 275 BLHS năm 1999 được sửa đổi, bổ sung bằng các tình tiết ở khoản 3 Điều 349 BLHS năm 2015 là: a) *Đối với 11 người trở lên; b) Thu lợi bất chính 500.000.000 đồng trở lên; c) Làm chết người.*

- Giảm mức hình phạt tù ở tất cả các khoản so với Điều 275 BLHS năm 1999.

18. Tội cưỡng ép người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép (Điều 350)

Đây là điều luật được tách ra từ 275 BLHS năm 1999. Trong đó thay đổi cơ bản các tình tiết định tội ở khoản 1 và khoản 2, cụ thể:

- Tình tiết “Phạm tội nhiều lần hoặc gây hậu quả nghiêm trọng hoặc rất nghiêm trọng” ở khoản 2 Điều Điều 275 BLHS năm 1999 được sửa đổi, bổ sung bằng các tình tiết ở khoản 2 Điều 350 BLHS năm 2015 là: a) *Phạm tội 02 lần trở lên; b) Đối với từ 05 người đến 10 người; c) Có tính chất chuyên nghiệp; d) Vi động cơ đê hèn; đ) Tái phạm nguy hiểm.*

- Tình tiết “Phạm tội gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” ở khoản 3 Điều Điều 275 BLHS năm 1999 được sửa đổi, bổ sung bằng các tình tiết ở khoản 3 Điều 350 BLHS năm 2015 là: a) *Đối với 11 người trở lên; b) Làm chết người.*

19. Tội xúc phạm Quốc kỳ, Quốc huy, Quốc ca (Điều 351)

Cơ bản điều luật và cấu thành cơ bản giữ nguyên, điểm mới của điều luật là bổ sung cụm từ “Quốc ca” là khách thể bảo vệ của điều luật.

VIII. CÁC TỘI PHẠM VỀ CHỨC VỤ

Chương này gồm 15 điều (*từ 353 Điều đến Điều 366*), được chia thành 02 mục và 01 điều về khái niệm tội phạm về chức vụ (Điều 352), gồm:

- *Mục 1:* Các tội phạm tham nhũng, gồm 7 Điều (*từ Điều 353 đến Điều 359*), quy định tội tham ô tài sản; Tội nhận hối lộ; Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản; Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ; Tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ; Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi; Tội giả mạo trong công tác.

- *Mục 2:* Các tội phạm khác về chức vụ, gồm 7 điều (*từ Điều 360 tới Điều 366*), quy định tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng; Tội cố ý làm lộ bí mật công tác; tội chiếm đoạt, mua bán hoặc tiêu hủy tài liệu bí mật công tác; Tội vô ý làm lộ bí mật công tác; tội làm mất tài liệu bí mật công tác; Tội đào

nhiệm; Tội đưa hối lộ; Tội môi giới hối lộ; Tội lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ quyền hạn để trục lợi.

Những nội dung sửa đổi, bổ sung trong các điều luật cụ thể như sau:

1. Khái niệm tội phạm về chức vụ (Điều 352)

Để đáp ứng yêu cầu của Hiến pháp năm 2013 “*Các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật*” (khoản 2 Điều 50), góp phần thực hiện tốt Công ước của Liên Hợp quốc về chống tham nhũng mà Việt Nam là thành viên; tháo gỡ những vướng mắc trong thực tiễn xử lý hành vi tham nhũng đối với tài sản của doanh nghiệp có phần vốn góp của Nhà nước, trong đó có sự đan xen về sở hữu mà trong nhiều trường hợp không thể tách biệt giữa tài sản, phần vốn góp của nhà nước với tài sản, phần vốn góp của tư nhân, Điều luật này bổ sung từ “*nhiệm vụ*” sau cụm từ “*thực hiện công vụ*” để có thể xử lý các hành vi tham nhũng trong lĩnh vực tư, cụ thể như sau:

"1. Các tội phạm về chức vụ là những hành vi xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức do người có chức vụ thực hiện trong khi thực hiện công vụ, nhiệm vụ.

2. Người có chức vụ là người do bổ nhiệm, do bầu cử, do hợp đồng hoặc do một hình thức khác, có hưởng lương hoặc không hưởng lương, được giao thực hiện một nhiệm vụ nhất định và có quyền hạn nhất định trong khi thực hiện công vụ, nhiệm vụ".

Tuy nhiên, cần lưu ý là: việc mở rộng khái niệm tội phạm về chức vụ cũng như khái niệm người có chức vụ để xử lý các hành vi tham nhũng trong lĩnh vực tư chỉ áp dụng đối với tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ và tội đưa hối lộ.

2. Tội tham ô tài sản (Điều 353)

- Để bảo đảm phù hợp với tình hình kinh tế, xã hội, phù hợp với yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm tham nhũng trong tình hình mới, Điều luật điều chỉnh hợp lý mức trị giá tài sản chiếm đoạt từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng lên thành từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng (khoản 1); từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng lên thành từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng (khoản 2); từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng lên thành từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng (khoản 3); từ 500.000.000 đồng trở lên lên thành 1.000.000.000 đồng trở lên (khoản 4).

- Cụ thể hóa tình tiết “*gây hậu quả nghiêm trọng khác*” ở khoản 2 (Điều 278 BLHS năm 1999) bằng các tình tiết:

+ *Gây thiệt hại về tài sản từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000*

đồng;

+ Ảnh hưởng xấu đến đời sống của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan, tổ chức.

Đồng thời, bổ sung tình tiết định khung tại khoản 2: *Chiếm đoạt tiền, tài sản dùng vào mục đích xóa đói, giảm nghèo; tiền, phụ cấp, trợ cấp, ưu đãi đối với người có công với cách mạng; các loại quỹ dự phòng hoặc các loại tiền, tài sản trợ cấp, quyền góp cho những vùng bị thiên tai, dịch bệnh hoặc các vùng kinh tế đặc biệt khó khăn;*

- Cụ thể hóa tình tiết “gây hậu quả rất nghiêm trọng khác” ở khoản 3 (Điều 278 BLHS năm 1999) bằng các tình tiết:

+ Gây thiệt hại về tài sản từ 3.000.000.000 đồng đến dưới 5.000.000.000 đồng;

+ Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

+ Dẫn đến doanh nghiệp hoặc tổ chức khác bị phá sản hoặc ngừng hoạt động.

- Cụ thể hóa tình tiết “gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng khác” ở khoản 4 bằng tình tiết gây thiệt hại về tài sản 5.000.000.000 đồng trở lên.

- Nâng mức phạt tiền là hình phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng lên thành từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng (khoản 5).

- Để xử lý hành vi tham ô tài sản trong lĩnh vực tư, Điều luật bổ sung quy định người có chức vụ, quyền hạn trong các doanh nghiệp, tổ chức ngoài Nhà nước mà tham ô tài sản, thì bị xử lý theo quy định tại Điều này (khoản 6).

3. Tội nhận hối lộ (Điều 354)

- Để đáp ứng yêu cầu của Công ước của Liên Hợp quốc về chống tham nhũng, cấu thành cơ bản của tội này đã được sửa đổi, bổ sung theo hướng người nhận hối lộ cho chính bản thân mình hoặc cho cá nhân, tổ chức khác và quy định của hối lộ không chỉ là lợi ích vật chất mà cả lợi ích phi vật chất (khoản 1). Tuy nhiên, đối với lợi ích phi vật chất, do khó lượng hóa được nên Điều luật chỉ quy định ở khoản 1.

- Để bảo đảm phù hợp với tình hình kinh tế, xã hội, phù hợp với yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm tham nhũng trong tình hình mới, Điều luật điều chỉnh hợp lý của hối lộ là tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 10.000.000 đồng lên thành từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng (khoản 1); từ 10.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng lên thành từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng (khoản 2); từ 50.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng lên thành từ 500.000.000 đồng đến dưới

1.000.000.000 đồng (khoản 3); từ 300.000.000 đồng trở lên lên thành 1.000.000.000 đồng trở lên (khoản 4).

- Cụ thể hóa tình tiết “gây hậu quả nghiêm trọng khác” ở khoản 2 bằng tình tiết gây thiệt hại về tài sản từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng.

- Cụ thể hóa tình tiết “gây hậu quả rất nghiêm trọng khác” ở khoản 3 bằng tình tiết gây thiệt hại về tài sản từ 3.000.000.000 đồng đến dưới 5.000.000.000 đồng.

- Cụ thể hóa tình tiết “gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng khác” ở khoản 4 bằng tình tiết gây thiệt hại về tài sản 5.000.000.000 đồng trở lên.

- Thay mức phạt tiền là hình phạt bổ sung từ một lần đến năm lần giá trị của hối lộ bằng mức phạt từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng (khoản 5).

- Đề xử lý hành vi nhận hối lộ trong lĩnh vực tư, Điều luật bổ sung quy định người có chức vụ, quyền hạn trong các doanh nghiệp, tổ chức ngoài Nhà nước mà nhận hối lộ, thì bị xử lý theo quy định tại Điều này (khoản 6).

4. Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản (Điều 355)

- Đề bảo đảm phù hợp với tình hình kinh tế, xã hội, phù hợp với yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm tham nhũng trong tình hình mới, Điều luật điều chỉnh hợp lý mức trị giá tài sản chiếm đoạt từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng lên thành từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng (khoản 1); từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng lên thành từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng (khoản 2); từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng lên thành từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng (khoản 3); từ 500.000.000 đồng trở lên lên thành 1.000.000.000 đồng trở lên (khoản 4).

- Cụ thể hóa tình tiết “gây hậu quả nghiêm trọng khác” ở khoản 2 bằng tình tiết: Gây thiệt hại về tài sản từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng.

Đồng thời, bổ sung tình tiết định khung tại khoản 2: Chiếm đoạt tiền, tài sản dùng vào mục đích xóa đói, giảm nghèo; tiền, phụ cấp, trợ cấp, ưu đãi đối với người có công với cách mạng; các loại quỹ dự phòng hoặc các loại tiền, tài sản trợ cấp, quyên góp cho những vùng bị thiên tai, dịch bệnh hoặc các vùng kinh tế đặc biệt khó khăn.

- Cụ thể hóa tình tiết “gây hậu quả rất nghiêm trọng khác” ở khoản 3 bằng tình tiết:

+ Gây thiệt hại về tài sản từ 3.000.000.000 đồng đến dưới 5.000.000.000 đồng;

+ Dẫn đến doanh nghiệp hoặc tổ chức khác bị phá sản hoặc ngừng hoạt động;

+ Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

- Cụ thể hóa tình tiết “gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng khác” ở khoản 4 bằng tình tiết: gây thiệt hại về tài sản 5.000.000.000 đồng trở lên.

- Nâng mức phạt tiền là hình phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng (theo Điều 280 BLHS năm 1999) lên thành từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng (khoản 5).

5. Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ (Điều 356)

- Cấu thành cơ bản của tội này bổ sung hậu quả: gây thiệt hại về tài sản từ 10.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng (khoản 1).

- Cụ thể hóa tình tiết “gây hậu quả nghiêm trọng” ở khoản 2 bằng tình tiết: thiệt hại về tài sản từ 200.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng.

- Cụ thể hóa tình tiết “gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng” ở khoản 3 bằng tình tiết: thiệt hại về tài sản 1.000.000.000 đồng trở lên.

- Nâng mức phạt tiền là hình phạt bổ sung từ 3.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng (theo Điều 281 BLHS năm 1999) lên thành từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng (khoản 4).

6. Tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ (Điều 357)

- Cấu thành cơ bản của tội này bổ sung hậu quả: gây thiệt hại về tài sản từ 10.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng (khoản 1).

- Cụ thể hóa tình tiết “gây hậu quả nghiêm trọng” ở khoản 2 bằng tình tiết: thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.

- Tách các tình tiết định khung tăng nặng gây hậu quả rất nghiêm trọng với gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng (khoản 3 Điều 282 BLHS năm 1999) để quy định ở 02 khung hình phạt khác nhau trong khoản 3 và khoản 4 của Điều luật này; đồng thời cụ thể hóa các tình tiết định khung tăng nặng và quy định mức hình phạt cho mỗi khung. Cụ thể là gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm (khoản 3); gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm (khoản 4).

- Nâng mức phạt tiền là hình phạt bổ sung từ 3.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng lên thành từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng (khoản 5).

7. Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi (Điều 358)

- Để bảo đảm phù hợp với tình hình kinh tế, xã hội, phù hợp với yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm tham nhũng trong tình hình mới, Điều luật điều chỉnh hợp lý mức tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 10.000.000 đồng lên thành từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng (khoản 1); từ 10.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng lên thành từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng (khoản 2); từ 50.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng lên thành từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng (khoản 3); từ 300.000.000 đồng trở lên lên thành 1.000.000.000 đồng trở lên (khoản 4).

- Để đáp ứng yêu cầu của Công ước của Liên Hợp quốc về chống tham nhũng, cấu thành cơ bản của tội này bổ sung *lợi ích phi vật chất* (khoản 1). Tuy nhiên, đối với lợi ích phi vật chất, do khó lượng hóa được nên Điều luật chỉ quy định ở khoản 1.

- Cụ thể hóa tình tiết “*gây hậu quả nghiêm trọng khác*” ở khoản 2 bằng tình tiết: *thiệt hại về tài sản từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng*.

- Cụ thể hóa tình tiết “*gây hậu quả rất nghiêm trọng khác*” ở khoản 3 bằng tình tiết: *thiệt hại về tài sản từ 3.000.000.000 đồng đến dưới 5.000.000.000 đồng*.

- Cụ thể hóa tình tiết “*gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng khác*” ở khoản 4 bằng tình tiết: *thiệt hại về tài sản 5.000.000.000 đồng trở lên*.

- Thay mức phạt tiền là hình phạt bổ sung “*một lần đến năm lần số tiền hoặc giá trị tài sản đã trục lợi*” (theo Điều 283 BLHS năm 1999) bằng mức phạt tiền *từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng* (khoản 5).

8. Tội giả mạo trong công tác (Điều 359)

- Điều luật bỏ 02 tình tiết “*gây hậu quả nghiêm trọng*” và “*phạm tội nhiều lần*”, đồng thời bổ sung tình tiết định ở khoản 2 như sau: *làm, cấp giấy tờ giả với số lượng từ 02 giấy tờ giả đến 05 giấy tờ giả*.

- Điều luật bỏ tình tiết “*gây hậu quả rất nghiêm trọng*”, đồng thời bổ sung tình tiết định khung tăng nặng ở khoản 3 như sau:

- + *Làm, cấp giấy tờ giả với số lượng từ 06 giấy tờ giả đến 10 giấy tờ giả;*
- + *Để thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng.*

- Điều luật bỏ tình tiết “*gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng*”, đồng thời bổ sung tình tiết định khung tăng nặng ở khoản 4 như sau:

- + *Làm, cấp giấy tờ giả với số lượng 11 giấy tờ giả trở lên;*
- + *Để thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm*

trọng.

- Nâng mức phạt tiền là hình phạt bổ sung từ 3.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng (theo Điều 284 BLHS năm 1999) lên thành từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng (khoản 5).

9. Tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 360)

- Điều luật bổ sung cụm từ "có chức vụ, quyền hạn" tại khoản 1 để làm rõ hơn về chủ thể của tội phạm.

- Điều luật cụ thể hóa tình tiết "gây hậu quả nghiêm trọng" ở khoản 1 bằng các tình tiết:

+ *Làm chết người;*

+ *Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;*

+ *Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;*

+ *Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.*

- Điều luật tách các tình tiết định khung tăng nặng gây hậu quả rất nghiêm trọng, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng (khoản 2 Điều 285 BLHS năm 1999) để quy định ở 02 khung hình phạt khác nhau trong khoản 2 và khoản 3 của Điều luật này; đồng thời cụ thể hóa các tình tiết định khung tăng nặng và quy định mức hình phạt cho mỗi khung. Cụ thể, phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm (khoản 2):

+ *Làm chết 02 người;*

+ *Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;*

+ *Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.*

- Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm (khoản 3):

+ *Làm chết 03 người trở lên;*

+ *Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;*

+ *Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.*

10. Tội cố ý làm lộ bí mật công tác; tội chiếm đoạt, mua bán hoặc tiêu hủy tài liệu bí mật công tác (Điều 361)

- Khung cơ bản của điều luật này được sửa đổi theo hướng nâng mức phạt tù tối thiểu từ *03 tháng* (khoản 1 Điều 286 BLHS năm 1999) lên thành *06 tháng* (khoản 1).

- Cụ thể hóa tình tiết “*gây hậu quả nghiêm trọng*” ở khoản 2 bằng các tình tiết:

- + *Gây thiệt hại về tài sản 100.000.000 đồng trở lên;*
- + *Gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động của cơ quan, tổ chức;*
- + *Để người khác sử dụng thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.*

Bổ sung cấu thành tăng nặng định khung ở khoản 2 như sau:

- + *Có tổ chức;*
- + *Phạm tội 02 lần trở lên;*
- + *Thu lợi bất chính 50.000.000 đồng trở lên;*

11. Tội vô ý làm lộ bí mật công tác; tội làm mất tài liệu bí mật công tác (Điều 362)

- Điều luật tách các tình tiết gây hậu quả nghiêm trọng, gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng (khoản 1 Điều 287 BLHS năm 1999) để quy định ở 02 khung hình phạt khác nhau trong khoản 1 và khoản 2 của Điều luật này; đồng thời cụ thể hóa các tình tiết này và quy định mức hình phạt cho mỗi khung. Cụ thể, quy định rõ các tình tiết định tội ở khoản 1 gồm:

- + *Gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động của cơ quan, tổ chức;*
- + *Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;*
- + *Để người khác sử dụng thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng.*

- *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ từ 02 năm đến 03 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm* (khoản 2):

- + *Gây thiệt hại về tài sản 500.000.000 đồng trở lên;*
- + *Để người khác sử dụng thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.*

12. Tội đào nhiệm (Điều 363)

- Khung cơ bản bổ sung chủ thể của tội phạm này gồm cả viên chức cho phù hợp với Luật công chức, Luật viên chức; đồng thời, nâng mức phạt tù tối thiểu từ 03 tháng (theo Điều 288 BLHS năm 1999) lên thành *06 tháng* (khoản

1).

- Tại khoản 2 bổ sung trường hợp phạm tội trong hoàn cảnh dịch bệnh cho đầy đủ hơn.

13. Tội đưa hối lộ (Điều 364)

- Trên tinh thần của Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng, Điều luật mô tả rõ phương thức đưa hối lộ, chỉ rõ đối tượng mà người đưa hối lộ nhằm đến, đó là: *trực tiếp hay qua trung gian đã đưa hoặc sẽ đưa cho người có chức vụ, quyền hạn hoặc người khác hoặc tổ chức khác bất kỳ lợi ích nào (kể cả lợi ích vật chất và lợi ích phi vật chất)*. Đối với lợi ích phi vật chất, do khó lượng hóa được nên Điều luật chỉ quy định ở khoản 1.

- Điều luật bổ sung hình phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cải tạo không giam giữ đến 03 năm là hình phạt chính và giảm mức phạt tù từ 01 năm đến 06 năm xuống thành 06 tháng đến 03 năm (khoản 1); giảm mức phạt tù từ 06 năm đến 13 năm xuống thành 02 năm đến 07 năm (khoản 2); giảm mức phạt tù từ 13 năm đến 20 năm xuống thành 07 năm đến 12 năm (khoản 3); giảm hình phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân xuống thành 12 năm đến 20 năm (khoản 4).

- Để bảo đảm phù hợp với tình hình kinh tế, xã hội, phù hợp với yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm tham nhũng trong tình hình mới, Điều luật điều chỉnh hợp lý mức tiền, tài sản, lợi ích vật chất khác là của hối lộ từ 2.000.000 đồng đến dưới 10.000.000 đồng lên thành từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng (khoản 1); từ 10.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng lên thành từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng (khoản 2); từ 50.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng lên thành từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng (khoản 3); từ 300.000.000 đồng trở lên lên thành 1.000.000.000 đồng trở lên (khoản 4). Đồng thời bổ sung của hối lộ là *lợi ích phi vật chất* (khoản 1).

- Điều luật bổ sung tình tiết định khung tăng nặng *lợi dụng chức vụ, quyền hạn* (khoản 2).

- Cụ thể hóa tình tiết "Phạm tội nhiều lần tại Điều 289 BLHS năm 1999 thành "*phạm tội 02 lần trở lên*".

- Thay mức phạt tiền là hình phạt bổ sung từ *một lần đến năm lần giá trị của hối lộ* bằng mức phạt từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng (khoản 5).

- Để đáp ứng yêu cầu của Công ước của Liên Hợp quốc về đấu tranh chống tham nhũng, xử lý hành vi đưa hối lộ trong lĩnh vực tư, Điều luật bổ sung quy định *người nào đưa hoặc sẽ đưa hối lộ cho công chức nước ngoài, công chức của tổ chức quốc tế công, người có chức vụ trong các doanh nghiệp, tổ*

chức ngoài Nhà nước cũng bị xử lý theo quy định tại Điều này (khoản 6).

14. Tội môi giới hối lộ (Điều 365)

- Sửa đổi tội danh “Tội làm môi giới hối lộ” trong Điều 290 BLHS năm 1999 thành “Tội môi giới hối lộ” trong Điều 365 BLHS năm 2015.

- Điều luật bổ sung hình phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cải tạo không giam giữ đến 03 năm là hình phạt chính và giảm mức phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm xuống thành 06 tháng đến 03 năm (khoản 1); giảm mức phạt tù từ 03 năm đến 10 năm xuống thành 02 năm đến 07 năm (khoản 2); giảm mức phạt tù từ 08 năm đến 15 năm xuống thành 05 năm đến 10 năm (khoản 3); giảm mức phạt tù từ 12 năm đến 20 năm xuống thành 08 năm đến 15 năm (khoản 4).

- Để bảo đảm phù hợp với tình hình kinh tế, xã hội, phù hợp với yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm tham nhũng trong tình hình mới, Điều luật điều chỉnh mức tiền, tài sản, lợi ích vật chất khác là của hối lộ từ 2.000.000 đồng đến dưới 10.000.000 đồng lên thành từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng (khoản 1); từ 10.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng lên thành từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng (khoản 2); từ 50.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng lên thành từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng (khoản 3); từ 300.000.000 đồng trở lên lên thành 1.000.000.000 đồng trở lên (khoản 4). Đồng thời bổ sung của hối lộ là lợi ích phi vật chất (khoản 1). Đối với lợi ích phi vật chất, do khó lượng hóa được nên Điều luật chỉ quy định ở khoản 1.

- Điều luật bổ sung các tình tiết định khung tăng nặng: phạm tội có tính chất chuyên nghiệp; lợi dụng chức vụ, quyền hạn (khoản 2).

- Cụ thể hóa tình tiết "Phạm tội nhiều lần tại khoản 2 Điều 290 BLHS năm 1999 thành "phạm tội 02 lần trở lên".

- Thay mức phạt tiền là hình phạt bổ sung từ một lần đến năm lần giá trị của hối lộ bằng mức phạt từ 20.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng (khoản 5).

- Để xử lý hành vi môi giới hối lộ trong lĩnh vực tư, Điều luật bổ sung quy định người nào môi giới hối lộ trong các doanh nghiệp, tổ chức ngoài Nhà nước cũng bị xử lý theo quy định tại Điều này (khoản 7).

15. Tội lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ quyền hạn để trục lợi (Điều 366)

- Khoản 1 điều luật đã bỏ tình tiết "hoặc dưới 02 triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng, đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm" quy định tại Điều 291 BLHS năm 1999.

- Điều luật bổ sung hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm là hình

phạt chính và giảm mức phạt tù từ *01 năm đến 05 năm* xuống thành từ *06 tháng đến 03 năm* (khoản 1); giảm mức phạt tù từ *03 năm đến 10 năm* xuống thành *02 năm đến 07 năm* (khoản 2).

- Để bảo đảm phù hợp với tình hình kinh tế, xã hội, phù hợp với yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm tham nhũng trong tình hình mới, Điều luật điều chỉnh hợp lý mức tiền, tài sản, lợi ích vật chất khác từ *2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng* lên thành từ *2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng*, đồng thời bổ sung *lợi ích phi vật chất* (khoản 1).

- Sửa đổi quy định mức tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác từ *50.000.000 trở lên* (khoản 2 Điều 291 BLHS năm 1999) thành từ *100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng* (khoản 2).

- Bổ sung khung tăng nặng phạm tội trong trường hợp tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá *500.000.000 đồng trở lên*, thì bị phạt tù từ *05 năm đến 10 năm* (khoản 3).

- Thay mức phạt tiền là hình phạt bổ sung từ *một lần đến năm lần số tiền hoặc giá trị tài sản đã trục lợi* bằng mức phạt tù từ *10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng* (khoản 4).

IX. CÁC TỘI XÂM PHẠM HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP

Chương này gồm 25 điều (*từ Điều 367 đến Điều 391*), quy định khái niệm tội xâm phạm hoạt động tư pháp; Tội truy cứu trách nhiệm hình sự người không có tội; Tội không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội; Tội ra bản án trái pháp luật; Tội ra quyết định trái pháp luật; Tội ép buộc người có thẩm quyền trong hoạt động tư pháp làm trái pháp luật; Tội dùng nhục hình; Tội bức cung; Tội làm sai lệch hồ sơ vụ án, vụ việc; Tội thiếu trách nhiệm để người bị bắt, người bị tạm giữ, tạm giam, người đang chấp hành án phạt tù trốn; Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn bắt, giữ, giam người trái pháp luật; Tội tha trái pháp luật người bị bắt, người đang bị tạm giữ, tạm giam, người đang chấp hành án phạt tù; Tội không thi hành án; Tội không chấp hành án; Tội cản trở việc thi hành án; Tội cung cấp tài liệu sai sự thật hoặc khai báo gian dối; Tội từ chối khai báo, từ chối kết luận giám định, định giá tài sản hoặc từ chối cung cấp tài liệu; Tội mua chuộc hoặc cưỡng ép người khác trong việc khai báo, cung cấp tài liệu; Tội vi phạm việc niêm phong, kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản; Tội trốn khỏi nơi giam, giữ hoặc trốn khi đang bị áp giải, đang bị xét xử; Tội đánh tháo người bị bắt, bị tạm giữ, tạm giam, người đang bị áp giải, xét xử, chấp hành án phạt tù; Tội vi phạm quy định về giam giữ; Tội che giấu tội phạm; Tội không tố giác tội phạm; Tội gây rối trật tự phiên tòa, phiên họp.

Những nội dung sửa đổi, bổ sung trong các điều luật cụ thể như sau:

1. Khái niệm tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp (Điều 367)

Điều 292 BLHS năm 1999 quy định về khái niệm các tội xâm phạm hoạt động tư pháp là *những hành vi xâm phạm hoạt động đúng đắn của các cơ quan điều tra, kiểm sát, xét xử và thi hành án...* chưa có tính khái quát và không chính xác, bởi đã đồng nhất khái niệm các cơ quan tư pháp (gồm Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án, Cơ quan thi hành án) với khái niệm hoạt động tư pháp. Hoạt động tư pháp không chỉ là hoạt động do các cơ quan tư pháp tiến hành mà còn có sự tham gia của các cơ quan hỗ trợ tư pháp, các cơ quan được giao tiến hành một số hoạt động điều tra; cơ quan có thẩm quyền tiến hành hoạt động tư pháp (như Cơ quan giám định, định giá, Kiểm lâm, Hải quan, Bộ đội biên phòng, Cảnh sát hỗ trợ tư pháp...).

Để có thể bao quát hết phạm vi các chủ thể tham gia vào hoạt động tư pháp, thay vì sử dụng phương pháp liệt kê các cơ quan như khái niệm cũ của BLHS năm 1999, khái niệm tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp trong BLHS năm 2015 sử dụng thuật ngữ có tính khái quát cao như sau: “ *các tội xâm phạm hoạt động tư pháp là những hành vi xâm phạm sự đúng đắn của hoạt động tố tụng và thi hành án* ”. Hoạt động tố tụng là quá trình (trình tự) giải quyết vụ án, vụ việc ở các lĩnh vực hình sự, dân sự, hành chính - lao động - kinh doanh thương mại... bao gồm toàn bộ hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, mọi công dân góp phần vào việc giải quyết vụ án, vụ việc theo quy định của pháp luật.

Như vậy, việc sửa đổi khái niệm tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp theo hướng nêu trên đã tháo gỡ được những vướng mắc, khó khăn trong thực tiễn áp dụng các điều luật hiện hành. Tạo được sự thống nhất, đồng bộ với quy định của các đạo luật mới được Quốc hội thông qua như Bộ luật tố tụng hình sự, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự.

2. Tội truy cứu trách nhiệm hình sự người không có tội (Điều 368)

- Thu hẹp khoảng cách khung hình phạt tù tại khoản 2 của điều luật xuống còn *từ 05 năm đến 10 năm* (BLHS năm 1999 quy định *từ 03 năm đến 10 năm*) để thuận lợi cho thực tiễn áp dụng và tránh bị lạm dụng; cụ thể hóa tình tiết phạm tội “*gây hậu quả nghiêm trọng*” bằng các tình tiết:

+ *Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%.*

+ *Dẫn đến việc kết án oan người vô tội về tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng.*

+ *Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.*

Đồng thời, bổ sung các tình tiết định khung tăng nặng tại khoản 2, bao gồm các trường hợp phạm tội: *Đối với 02 người đến 05 người; Đối với người*

dưới 18 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu.

- Thu hẹp khoảng cách khung hình phạt tù tại khoản 3 của điều luật xuống còn *từ 10 năm đến 15 năm* (BLHS năm 1999 quy định *từ 07 năm đến 15 năm*) để thuận lợi cho thực tiễn áp dụng và tránh bị lạm dụng; cụ thể hóa tình tiết phạm tội “*gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng*” bằng các tình tiết:

+ *Dẫn đến việc kết án oan người vô tội về tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.*

+ *Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên.*

+ *Làm người bị truy cứu TNHS oan tự sát.*

Đồng thời, bổ sung tình tiết định khung tăng nặng tại khoản 3: *Đối với 06 người trở lên.*

3. Tội không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội (Điều 369)

- Cụ thể hóa tình tiết “*gây hậu quả nghiêm trọng*” tại khoản 2 bằng các tình tiết:

+ *Người không bị truy cứu TNHS bỏ trốn hoặc thực hiện hành vi cản trở điều tra, truy tố, xét xử hoặc tiếp tục thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng.*

+ *Dẫn đến việc người không bị truy cứu TNHS trả thù người tố giác, báo tin về tội phạm, người bị hại, nhân chứng.*

+ *Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.*

Đồng thời, bổ sung tình tiết định khung tăng nặng tại khoản 2 là trường hợp phạm tội *Đối với 02 người đến 05 người.*

- Thu hẹp khoảng cách khung hình phạt tù tại khoản 3 của điều luật xuống còn *từ 07 năm đến 12 năm* (BLHS năm 1999 quy định *từ 05 năm đến 12 năm*) để thuận lợi cho thực tiễn áp dụng và tránh bị lạm dụng; cụ thể hóa tình tiết “*gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng*” bằng các tình tiết:

+ *Không truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội khác là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.*

+ *Người không bị truy cứu TNHS tiếp tục thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;*

+ *Làm người bị hại tự sát.*

Bổ sung tình tiết định khung tăng nặng tại khoản 3 là trường hợp phạm tội *đối với 06 người trở lên.*

4. Tội ra bản án trái pháp luật (Điều 370)

- Thu hẹp khoảng cách khung hình phạt tù tại khoản 2 của điều luật xuống còn từ 05 năm đến 10 năm (BLHS năm 1999 quy định từ 03 năm đến 10 năm) để thuận lợi cho thực tiễn áp dụng và tránh bị lạm dụng; cụ thể hóa tình tiết “gây hậu quả nghiêm trọng” bằng các tình tiết:

+ Kết án oan người vô tội về tội phạm nghiêm trọng hoặc tội phạm rất nghiêm trọng;

+ Bỏ lọt tội phạm nghiêm trọng hoặc tội phạm rất nghiêm trọng; người phạm tội nghiêm trọng hoặc phạm tội rất nghiêm trọng;

+ Gây rối loạn tâm thần và hành vi của bị cáo, người bị hại, đương sự mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;

+ Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;

+ Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Đồng thời, bổ sung các tình tiết định khung tăng nặng tại khoản 2, gồm: Phạm tội 02 lần trở lên; Đối với người dưới 18 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu.

- Thu hẹp khoảng cách khung hình phạt tù tại khoản 3 của điều luật xuống còn từ 10 năm đến 15 năm (BLHS năm 1999 quy định từ 07 năm đến 15 năm) để thuận lợi cho thực tiễn áp dụng và tránh bị lạm dụng; cụ thể hóa tình tiết “gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng” bằng các tình tiết:

+ Kết án oan người vô tội về tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;

+ Bỏ lọt tội phạm đặc biệt nghiêm trọng hoặc người phạm tội đặc biệt nghiêm trọng;

+ Gây rối loạn tâm thần và hành vi của bị cáo, người bị hại, đương sự mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61 % trở lên;

+ Dẫn đến bị cáo, người bị hại, đương sự tự sát;

+ Gây thiệt hại về tài sản 1.000.000.000 đồng trở lên.

5. Tội ra quyết định trái pháp luật (Điều 371)

- Sửa đổi cấu thành tội phạm, theo đó mở rộng chủ thể là người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng, thi hành án cho thống nhất với Điều 367 về khái niệm tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp; quy định rõ hậu quả do hành vi phạm tội này gây ra và cụ thể hành vi phạm tội như sau:

Người nào có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng, thi hành án ra quyết định mà mình biết rõ là trái pháp luật gây thiệt hại về tài sản từ 50.000.000

đồng đến dưới 200.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, nếu không thuộc trường hợp quy định tại các điều 368, 369, 370, 377 và 378² của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

- Cụ thể hóa tình tiết “gây hậu quả nghiêm trọng” tại khoản 2 của điều luật bằng các tình tiết:

+ Gây rối loạn tâm thần và hành vi của người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người bị kết án, người phải chấp hành án, người bị hại, đương sự mà tỷ lệ tổn thương có thể từ 31% đến 60%;

+ Gây thiệt hại về tài sản từ 200.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;

+ Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

- Bổ sung các tình tiết định khung tăng nặng tại khoản 2, gồm các trường hợp tội phạm: Có tổ chức; Phạm tội 02 lần trở lên; Đối với người dưới 18 tuổi, phụ nữ mà biết có thai, người già yếu.

- Thu hẹp khoảng cách khung hình phạt tù tại khoản 3 của điều luật xuống còn từ 07 năm đến 12 năm (BLHS năm 1999 quy định từ 05 năm đến 12 năm) để thuận lợi cho thực tiễn áp dụng và tránh bị lạm dụng; cụ thể hóa trường hợp “gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng” bằng các tình tiết:

+ Gây rối loạn tâm thần và hành vi của người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người bị kết án, người phải chấp hành án, người bị hại, đương sự mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

+ Dẫn đến người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người bị kết án, người phải chấp hành án, người bị hại, đương sự tự sát;

+ Gây thiệt hại về tài sản 1.000.000.000 đồng trở lên.

6. Tội ép buộc người có thẩm quyền trong hoạt động tư pháp làm trái pháp luật (Điều 372)

- Sửa đổi tên điều luật “Tội ép buộc nhân viên tư pháp làm trái pháp luật” (Điều 297 BLHS năm 1999) thành “Tội ép buộc người có thẩm quyền trong hoạt động tư pháp làm trái pháp luật”. Sửa đổi cấu thành tội phạm, theo đó thay thuật ngữ “nhân viên tư pháp” bằng thuật ngữ “người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng và thi hành án” cho thống nhất với quy định của pháp luật hiện hành; quy định rõ hậu quả do hành vi phạm tội này gây ra; và cụ thể hóa hành vi phạm tội. Cụ thể như sau:

² Tội truy cứu TNHS người không có tội; Tội không truy cứu TNHS người có tội; Tội ra bản án trái pháp luật; Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn giam, giữ người trái pháp luật; Tội tha trái pháp luật người bị bắt, người đang bị tạm giữ, tạm giam, người đang chấp hành án phạt tù.

Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn ép buộc người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng, thi hành án làm trái pháp luật gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân hoặc gây thiệt hại về tài sản từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

- Tách thành 02 khung hình phạt: khung phạt tù từ 02 năm đến 05 năm (khoản 2) và khung phạt tù từ 05 năm đến 10 năm (khoản 3) (BLHS năm 1999 chỉ quy định 01 khung hình phạt từ 02 năm đến 07 năm) để bảo đảm phân hóa trách nhiệm hình sự; đồng thời, cụ thể hóa trường hợp “*gây hậu quả rất nghiêm trọng*” tại khoản 2 bằng:

+ *Dẫn đến ra bản án hoặc quyết định trái pháp luật.*

+ *Gây thiệt hại về tài sản từ 200.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng.*

+ *Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.*

Bổ sung tình tiết định khung tăng nặng tại khoản 2 là trường hợp: *Phạm tội 02 lần trở lên.*

- Cụ thể hóa trường hợp “*gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng*” tại khoản 3 được tách ra bằng các tình tiết:

+ *Dẫn đến làm oan người vô tội hoặc bỏ lọt tội phạm hoặc người phạm tội.*

+ *Gây thiệt hại về tài sản 1.000.000.000 đồng trở lên.*

7. Tội dùng nhục hình (Điều 373)

- Sửa đổi cơ bản về cấu thành tội phạm, theo đó, mở rộng chủ thể thực hiện hành vi không chỉ ở các giai đoạn tố tụng, thi hành án mà cả ở giai đoạn áp dụng các biện pháp cưỡng chế hành chính. Cùng với đó, ngoài hành vi dùng vũ lực, nếu có hành vi đối xử tàn bạo, hạ nhục nhân phẩm (bạo lực tinh thần) đối với người khác dưới bất kỳ hình thức nào cũng cấu thành tội phạm này. Cụ thể như sau:

Người nào trong hoạt động tố tụng, thi hành án hoặc thi hành các biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc mà dùng nhục hình hoặc đối xử tàn bạo, hạ nhục nhân phẩm của người khác dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

- Cụ thể hóa trường hợp “*gây hậu quả nghiêm trọng*” tại khoản 2 của điều luật bằng các tình tiết: *Gây thương tích hoặc gây thiệt hại về sức khỏe cho người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 60%.*

Bổ sung các tình tiết định khung tăng nặng tại khoản 2, gồm: *Phạm tội 02 lần trở lên; Đối với 02 người trở lên; Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt; Đối với người dưới 18 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng.*

- Thu hẹp khoảng cách khung hình phạt tù tại khoản 3 của điều luật xuống còn từ 07 năm đến 12 năm (trước đây quy định mức phạt tù từ 05 năm đến 12 năm) để thuận lợi cho thực tiễn áp dụng và tránh bị lạm dụng; cụ thể hóa trường hợp “*gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng*” bằng các tình tiết:

+ *Gây thương tích hoặc gây thiệt hại về sức khỏe cho người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên.*

+ *Làm người bị nhục hình tự sát.*

- Bổ sung khung tăng nặng trách nhiệm hình sự (khoản 4) và nâng mức hình phạt cao nhất là tù chung thân, cụ thể là: *Phạm tội làm người bị nhục hình chết, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.*

8. Tội bức cung (Điều 374)

- Mở rộng chủ thể của tội phạm này là *người nào trong hoạt động tố tụng*; đồng thời mở rộng phạm vi xử lý hình sự, theo đó, chỉ cần có hành vi trái pháp luật ép buộc người khai báo phải khai ra *thông tin liên quan đến vụ án hoặc vụ việc* là cấu thành tội phạm này, kể cả thông tin đúng cũng như thông tin sai sự thật (trước đây phải là hành vi trái pháp luật buộc người bị thẩm vấn phải *khai sai sự thật* và *gây hậu quả nghiêm trọng*) để nội luật hóa Công ước của Liên hợp quốc về chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người mà Việt Nam là thành viên. Cụ thể như sau:

Người nào trong hoạt động tố tụng mà sử dụng thủ đoạn trái pháp luật ép buộc người bị lấy lời khai, người bị hỏi cung phải khai ra thông tin liên quan đến vụ án, vụ việc, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

- Cụ thể hóa tình tiết “*gây hậu quả rất nghiêm trọng*” tại khoản 2 bằng: *Dẫn đến làm sai lệch kết quả khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử;*

Bổ sung các tình tiết định khung tăng nặng tại khoản 2, gồm: *Phạm tội 02 lần trở lên; Đối với 02 người trở lên; Đối với người dưới 18 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng; Dùng nhục hình hoặc đối xử tàn bạo, hạ nhục nhân phẩm người bị lấy lời khai, người bị hỏi cung; Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt; Ép buộc người bị lấy lời khai, người bị hỏi cung phải khai sai sự thật.*

- Cụ thể hóa trường hợp “*gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng*” tại khoản 3 của điều luật bằng các tình tiết:

+ *Làm người bị bức cung tạt sát.*

+ *Dẫn đến bỏ lọt tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng; người thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng.*

- *Bổ sung khung tăng nặng trách nhiệm hình sự (khoản 4) và nâng mức hình phạt cao nhất là tù chung thân, cụ thể như sau: Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:*

+ *Làm người bị bức cung chết;*

+ *Dẫn đến làm oan người vô tội;*

+ *Dẫn đến bỏ lọt tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng; người thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.*

- *Bổ sung hình phạt bổ sung "cấm hành nghề từ 01 năm đến 05 năm" tại khoản 5.*

9. Tội làm sai lệch hồ sơ vụ án, vụ việc (Điều 375)

- *Hình sự hóa đối với hành vi làm sai lệch hồ sơ vụ việc cho thống nhất với quy định của pháp luật tố tụng hình sự, tố tụng dân sự hiện hành; mở rộng phạm vi chủ thể của tội này, theo đó ngoài Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký Tòa án, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự thì người khác có nhiệm vụ, quyền hạn trong hoạt động tư pháp (chẳng hạn như người phiên dịch, người giám định), người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại cũng có thể trở thành chủ thể của tội này vì họ có cơ hội tiếp xúc với hồ sơ vụ án, vụ việc.*

- *Thu hẹp khoảng cách khung hình phạt tù tại khoản 2 của điều luật xuống còn từ 05 năm đến 10 năm (BLHS năm 1999 quy định từ 03 năm đến 10 năm) để thuận lợi cho thực tiễn áp dụng và tránh bị lạm dụng; cụ thể hóa tình tiết "gây hậu quả nghiêm trọng" bằng các tình tiết:*

+ *Dẫn đến việc giải quyết vụ án, vụ việc bị sai lệch.*

+ *Gây thiệt hại từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng.*

- *Thu hẹp khoảng cách khung hình phạt tù tại khoản 3 của điều luật xuống còn từ 10 năm đến 15 năm (BLHS năm 1999 quy định từ 07 năm đến 15 năm) để thuận lợi cho thực tiễn áp dụng và tránh bị lạm dụng; cụ thể hóa tình tiết "gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng" bằng các tình tiết:*

+ *Dẫn đến việc kết án oan người vô tội, bỏ lọt tội phạm hoặc người phạm tội;*

+ Làm người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người bị kết án, người phải chấp hành án, người bị hại, đương sự tự sát;

+ Gây thiệt hại 1.000.000.000 đồng trở lên.

10. Tội thiếu trách nhiệm để người bị bắt, người bị tạm giữ, tạm giam, người đang chấp hành án phạt tù trốn (Điều 376)

- Sửa đổi cấu thành tội phạm, theo đó thay cụm từ “người bị giam, tạm giữ” bằng cụm từ “người bị bắt, người bị tạm giữ, tạm giam, người đang chấp hành hình phạt tù”. Quy định cụ thể thiếu trách nhiệm là hành vi “không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các quy định về quản lý, canh gác, áp giải”; nâng mức phạt cải tạo không giam giữ lên đến 03 năm (BLHS năm 1999 quy định mức phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm) để xử lý nghiêm khắc hơn đối với tội phạm này. Cụ thể như sau:

1. Người nào được giao trách nhiệm trực tiếp quản lý, canh gác, áp giải người bị bắt, người bị tạm giữ, tạm giam, người đang chấp hành án phạt tù mà không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định về quản lý, canh gác, áp giải để người thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng trốn thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Làm vụ án bị đình chỉ;

b) Người bỏ trốn trả thù người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng;

c) Người bỏ trốn tiếp tục thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng.

- Cụ thể hóa tình tiết “gây hậu quả rất nghiêm trọng” tại khoản 2 của điều luật bằng các tình tiết:

+ Làm vụ án bị đình chỉ;

+ Người bỏ trốn tiếp tục thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng;

+ Để từ 02 người đến 05 người bỏ trốn;

+ Để người thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng bỏ trốn;

+ Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

- Cụ thể hóa tình tiết “gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” tại khoản 3 của điều luật bằng các tình tiết:

+ Người bỏ trốn tiếp tục thực hiện tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

+ Để 06 người trở lên bỏ trốn.

+ Để người thực hiện tội phạm đặc biệt nghiêm trọng bỏ trốn.

11. Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn bắt, giữ, giam người trái pháp luật (Điều 377)

- Sửa đổi cấu thành tội phạm này, theo đó ngoài hành vi *không ra quyết định; không chấp hành quyết định trả tự do cho người được trả tự do theo quy định của luật* như trong BLHS năm 1999, BLHS năm 2015 còn quy định các hành vi cấu thành tội phạm như sau:

+ *Ra lệnh, quyết định bắt, giữ, giam người không có căn cứ theo quy định của luật;*

+ *Thực hiện việc bắt, giữ, giam người không có lệnh, quyết định theo quy định của luật hoặc tuy có lệnh, quyết định nhưng chưa có hiệu lực thi hành;*

+ *Không ra lệnh, quyết định gia hạn tạm giữ, tạm giam hoặc thay đổi, hủy bỏ biện pháp tạm giữ, tạm giam khi hết thời hạn tạm giữ, tạm giam dẫn đến người bị tạm giữ, tạm giam bị giam, giữ quá hạn.*

- Cụ thể hóa tình tiết “*gây hậu quả rất nghiêm trọng*” tại khoản 2 của điều luật bằng các tình tiết:

+ *Làm người bị giam, giữ trái pháp luật bị tổn hại về sức khỏe với tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%.*

+ *Làm người bị giam, giữ hoặc gia đình họ lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn.*

Bổ sung các tình tiết định khung tăng nặng tại khoản 2, gồm: *Giam, giữ trái pháp luật từ 02 người đến 05 người; Đối với người dưới 18 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng.*

- Nâng mức hình phạt trong khung hình phạt tại khoản 3 của điều luật lên thành từ 05 năm đến 12 năm (BLHS năm 1999 quy định từ 05 đến 10 năm) để bảo đảm xử lý nghiêm khắc hơn đối với tội phạm này; cụ thể hóa tình tiết “*gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng*” bằng các tình tiết:

+ *Làm người bị giam, giữ trái pháp luật tổn hại về sức khỏe với tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên hoặc chết.*

+ *Làm người bị giam, giữ tự sát.*

+ *Làm gia đình người bị giam, giữ ly tán.*

Đồng thời, bổ sung các tình tiết định khung tăng nặng tại khoản 3 là trường hợp: *Giam, giữ trái pháp luật 06 người trở lên.*

12. Tội tha trái pháp luật người bị bắt, người đang bị tạm giữ, tạm giam, người đang chấp hành án phạt tù (Điều 378)

- Sửa đổi cấu thành tội phạm này, theo đó thay cụm từ “*người bị giam, tạm giữ*” bằng cụm từ “*người bị bắt, người bị tạm giữ, tạm giam, người đang chấp hành án phạt tù*” cho thống nhất với quy định của pháp luật hiện hành.

- Cụ thể hóa tình tiết “*gây hậu quả rất nghiêm trọng*” tại khoản 2 bằng các tình tiết:

+ *Người được tha trái pháp luật bỏ trốn hoặc có hành vi cản trở việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc tiếp tục thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng.*

+ *Người được tha trái pháp luật trả thù người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng.*

Bổ sung tình tiết định khung tăng nặng tại khoản 2: *Tha trái pháp luật từ 02 người đến 05 người.*

- Cụ thể hóa tình tiết “*gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng*” tại khoản 3 của điều luật bằng các tình tiết: *Người được tha trái pháp luật thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.* Bổ sung tình tiết định khung tăng nặng tại khoản 3 là trường hợp: *Tha trái pháp luật 06 người trở lên.*

13. Tội không thi hành án (Điều 379)

- Cụ thể hóa tình tiết “*gây hậu quả rất nghiêm trọng*” tại khoản 1 của điều luật bằng các tình tiết:

+ *Dẫn đến người bị kết án, người phải chấp hành án bỏ trốn.*

+ *Dẫn đến hết thời hiệu thi hành án.*

+ *Dẫn đến người bị kết án, người phải chấp hành án, người có nghĩa vụ thi hành án tẩu tán tài sản và không thi hành được nghĩa vụ thi hành án với số tiền từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.*

- Cụ thể hóa tình tiết “*gây hậu quả rất nghiêm trọng*” tại khoản 2 của điều luật bằng các tình tiết:

+ *Dẫn đến người bị kết án, người phải chấp hành án tiếp tục thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng.*

+ *Dẫn đến người bị kết án, người phải thi hành án, người có nghĩa vụ thi hành án tẩu tán tài sản và không thi hành được nghĩa vụ thi hành án với số tiền từ 200.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng.*

Bổ sung tình tiết định khung tăng nặng tại khoản 2 là trường hợp: *Phạm tội 02 lần trở lên.*

- Bổ sung khung tăng nặng của tội phạm (khoản 3) để bảo đảm phân hóa

trách nhiệm hình sự. Cụ thể như sau: *Phạm tội thuộc một trong những trường hợp sau, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:*

+ *Dẫn đến người bị kết án, người phải chấp hành án tiếp tục thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.*

+ *Dẫn đến người bị kết án, người phải thi hành án, người có nghĩa vụ thi hành án tẩu tán tài sản và không thi hành được nghĩa vụ thi hành án với số tiền 1.000.000.000 đồng trở lên.*

Bổ sung hình phạt bổ sung *cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.*

14. Tội không chấp hành án (Điều 380)

- Sửa đổi, bổ sung cấu thành tội phạm, theo đó bổ sung trường hợp “*đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà còn vi phạm*” và bỏ hình phạt cải tạo không giam giữ, đồng thời giảm mức phạt tù từ *06 tháng đến 03 năm xuống còn từ 03 tháng đến 02 năm* trong khoản 1 của Điều luật. Cụ thể như sau:

Người nào có điều kiện mà không chấp hành bản án hoặc quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật mặc dù đã bị áp dụng biện pháp cưỡng chế theo quy định của pháp luật hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

- Bổ sung khung tăng nặng của tội phạm (khoản 2) như sau:

Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:

a) *Chống lại chấp hành viên hoặc người đang thi hành công vụ;*

b) *Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt;*

c) *Tẩu tán tài sản.*

- Bổ sung hình phạt tiền là hình phạt bổ sung (khoản 3): *Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.*

15. Tội cản trở việc thi hành án (Điều 381)

- Cụ thể hóa tình tiết “*gây hậu quả rất nghiêm trọng*” tại khoản 1 của điều luật bằng các tình tiết:

+ *Dẫn đến người bị kết án, người phải chấp hành án bỏ trốn.*

+ *Dẫn đến hết thời hiệu thi hành án.*

+ *Dẫn đến người bị kết án, người phải chấp hành án, người có nghĩa vụ thi hành án tẩu tán tài sản và không thi hành được nghĩa vụ thi hành án với số tiền từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.*

+ Gây thiệt hại từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.

- Cụ thể hóa tình tiết “gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng” tại khoản 2 của điều luật bằng các tình tiết:

+ Dẫn đến người bị kết án, người phải chấp hành án tiếp tục thực hiện tội phạm.

+ Dẫn đến người bị kết án, người phải thi hành án, người có nghĩa vụ thi hành án tâu tán tài sản và không thi hành được nghĩa vụ thi hành án với số tiền 200.000.000 đồng trở lên.

+ Gây thiệt hại 200.000.000 đồng trở lên.

Bổ sung tình tiết định khung tăng nặng tại khoản 2 là trường hợp: Phạm tội 02 lần trở lên.

16. Tội cung cấp tài liệu sai sự thật hoặc khai báo gian dối (Điều 382)

- Mở rộng chủ thể của phạm tội này gồm người định giá tài sản, người dịch thuật, người bào chữa.

- Cụ thể hóa trường hợp “gây hậu quả nghiêm trọng” tại khoản 2 của điều luật bằng: Dẫn đến việc giải quyết vụ án, vụ việc bị sai lệch.

- Cụ thể hóa tình tiết “gây hậu quả rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng” tại khoản 3 của điều luật bằng các tình tiết: Dẫn đến việc kết án oan người vô tội hoặc bỏ lọt tội phạm hoặc người phạm tội. Bổ sung tình tiết định khung tăng nặng tại khoản 3 là trường hợp: Phạm tội 02 lần trở lên.

17. Tội từ chối khai báo, từ chối kết luận giám định, định giá tài sản hoặc từ chối cung cấp tài liệu (Điều 383)

Sửa đổi cấu thành tội phạm, theo đó thay vì quy định chung chung như trước đây, điều luật quy định cụ thể chủ thể của tội phạm gồm Người làm chứng, người giám định, người định giá tài sản, người dịch thuật; không quy định trách nhiệm hình sự đối với hành vi từ chối khai báo mà không có lý do chính đáng của người bị hại vì họ đã bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản nên nếu họ từ chối khai báo, từ chối việc được bồi thường thiệt hại do tội phạm gây ra mà xử lý hình sự đối với họ là không thỏa đáng. Cụ thể như sau:

Người làm chứng nếu không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 19 của Bộ luật này³, người giám định, người định giá tài sản, người dịch thuật từ chối khai báo, trốn tránh việc kết luận giám định, định giá tài sản hoặc từ chối cung cấp tài liệu mà không có lý do chính đáng, thì bị phạt cảnh cáo, phạt

³ Khoản 2 Điều 19 BLHS năm 2015 quy định người không tố giác là ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng của người phạm tội không phải chịu trách nhiệm theo quy định, trừ trường hợp không tố giác các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng khác quy định tại Điều 389 của Bộ luật này.

cải tạo không giam giữ đến 01 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm.

18. Tội mua chuộc hoặc cưỡng ép người khác trong việc khai báo, cung cấp tài liệu (Điều 384)

- Quy định cụ thể hành vi phạm tội và bổ sung đối tượng có thể bị mua chuộc, cưỡng ép gồm *đương sự trong các vụ án hình sự, hành chính, dân sự; người định giá, người dịch thuật* như sau:

Người nào mua chuộc hoặc cưỡng ép người làm chứng, người bị hại, đương sự trong các vụ án hình sự, hành chính, dân sự, khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật hoặc không khai báo, không cung cấp tài liệu; mua chuộc hoặc cưỡng ép người giám định, người định giá tài sản kết luận gian dối, người phiên dịch, người dịch thuật dịch xuyên tạc, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 03 năm.

- Bổ sung tình tiết định khung tăng nặng tại khoản 2 là trường hợp: *Dẫn đến việc giải quyết vụ án, vụ việc bị sai lệch.*

19. Tội vi phạm việc niêm phong, kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản (Điều 385)

- Hình sự hóa hành vi *giải tỏa việc phong tỏa tài khoản mà không có quyết định của người có thẩm quyền, bổ sung hình phạt cải tạo không giam giữ và giảm mức phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm xuống còn từ 03 tháng đến 02 năm.* Cụ thể như sau:

Người nào được giao giữ, quản lý tài sản bị kê biên, bị niêm phong hoặc vật chứng bị niêm phong, tài khoản bị phong tỏa mà thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:

a) *Phá hủy niêm phong, giải tỏa việc phong tỏa tài khoản mà không có quyết định của người có thẩm quyền;*

b) *Tiêu dùng, chuyển nhượng, đánh tráo, cất giấu hoặc huỷ hoại tài sản bị kê biên.*

- Cụ thể hóa tình tiết “*gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng*” bằng các tình tiết:

+ *Dẫn đến việc giải quyết vụ án, vụ việc bị sai lệch.*

+ *Dẫn đến bị can, bị cáo, người bị kết án, người phải thi hành án, người có nghĩa vụ thi hành án tẩu tán tài sản và không thi hành được nghĩa vụ thi hành án với số tiền 100.000.000 đồng trở lên.*

20. Tội trốn khỏi nơi giam, giữ hoặc trốn khi đang bị áp giải, đang bị xét xử (Điều 386)

Thay cụm từ “*Người nào đang bị giam, giữ, đang bị dẫn giải*” bằng cụm từ “*Người nào đang bị tạm giữ, tạm giam, áp giải*”; bổ sung chủ thể là người đang chấp hành án phạt tù; và giảm mức phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm xuống còn từ 06 tháng đến 03 năm. Cụ thể như sau:

Người nào đang bị tạm giữ, tạm giam, áp giải, xét xử hoặc chấp hành án phạt tù mà bỏ trốn, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

21. Tội đánh tháo người bị bắt, bị tạm giữ, tạm giam, người đang bị áp giải, xét xử, chấp hành án phạt tù (Điều 387)

Thay cụm từ “*Người nào đánh tháo người đang bị giam, giữ, đang bị dẫn giải*” bằng cụm từ “*Người nào đánh tháo người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, người đang bị áp giải*” cho thống nhất với các luật khác; bổ sung đối tượng tác động là người đang bị chấp hành án phạt tù; và bỏ quy định “*gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng*” tại khoản 2 của điều luật.

22. Tội vi phạm quy định về giam giữ (Điều 388)

Đây là điều luật mới được quy định trong BLHS năm 2015, nhằm hình sự hoá một số hành vi vi phạm của phạm nhân cũng như của cán bộ thực thi nhiệm vụ tại các cơ sở giam giữ, bảo đảm an ninh, an toàn cho các cơ sở giam giữ, góp phần nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống các hành vi vi phạm, tạo môi trường lành mạnh cho các đối tượng cải tạo, trong sạch hoá đội ngũ cán bộ, nâng cao niềm tin của nhân dân đối với cơ quan thực thi pháp luật, cụ thể:

"1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây vi phạm quy định của pháp luật về giam giữ, đã bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Gây rối hoặc chống lại mệnh lệnh của người có thẩm quyền trong quản lý giam giữ;

b) Không có trách nhiệm mà đưa vào, tàng trữ, sử dụng thiết bị thông tin liên lạc cá nhân hoặc phương tiện ghi âm, ghi hình trong cơ sở giam giữ.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Có tổ chức;

b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

c) Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt;

d) Tái phạm nguy hiểm.

3. Người phạm tội còn có thể bị cấm cư trú từ 01 năm đến 03 năm, cấm

đảm nhiệm chức vụ từ 01 năm đến 03 năm".

23. Tội che giấu tội phạm (Điều 389)

Bổ sung các trường hợp che giấu tội phạm cũng phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm này. Cụ thể đối với các tội sau:

- Tội mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người (Điều 154);
- Tội vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí (Điều 219);
- Tội vi phạm quy định về quản lý và sử dụng vốn đầu tư công gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 220);
- Tội vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 221);
- Tội vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 222);
- Tội thông đồng, bao che cho người nộp thuế gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 223);
- Tội vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 224);
- Tội bắt cóc con tin (Điều 301);
- Tội cướp biển (Điều 302);
- Tội dùng nhục hình (Điều 373);
- Tội bức cung (Điều 374);

24. Tội không tố giác tội phạm (Điều 390)

Điều luật bổ sung quy định loại trừ *nếu không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 và Khoản 3 Điều 19 của Bộ luật này⁴*; và nâng mức phạt tù từ 03 tháng đến 03 năm lên thành từ 06 tháng đến 03 năm. Cụ thể như sau: *Người nào biết rõ một trong các tội phạm được quy định tại Điều 389 của Bộ luật này đang được chuẩn bị, đang hoặc đã được thực hiện mà không tố giác, nếu không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 19 của Bộ luật này, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

25. Tội gây rối trật tự phiên tòa (Điều 391)

Đây là điều luật mới được quy định trong BLHS 2015 nhằm xử lý hình sự đối với hành vi thoá mạ, xúc phạm nghiêm trọng danh dự, nhân phẩm của Thẩm phán, Hội thẩm, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng khác (như Kiểm sát viên, Thư ký Tòa án) hoặc người tham gia phiên tòa, phiên họp (những người

⁴ Khoản 2 Điều 19 BLHS năm 2015 quy định người không tố giác là ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng của người phạm tội không phải chịu trách nhiệm theo quy định, trừ trường hợp không tố giác các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng khác quy định tại Điều 389 của Bộ luật này.

được Tòa án triệu tập tới tham gia phiên tòa, phiên họp) hoặc có hành vi đập phá tài sản tại phòng xét xử, bảo đảm sự tôn nghiêm của pháp luật, trật tự tại phiên tòa, bảo vệ tính mạng, sức khỏe của những người thực thi pháp luật tại phiên tòa. Cụ thể như sau:

"1. Người nào tại phiên tòa, phiên họp mà thóa mạ, xúc phạm nghiêm trọng danh dự, nhân phẩm của Thẩm phán, Hội thẩm, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng khác hoặc người tham gia phiên tòa, phiên họp hoặc có hành vi đập phá tài sản, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 178 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 03 năm:

a) Dẫn đến phải dừng phiên tòa, phiên họp;

b) Hành hung Thẩm phán, Hội thẩm, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng khác, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 134 của Bộ luật này.